AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 34

NGÀY 26 MARS 1932

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 17313

安南雜誌



Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THÚC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . . 5$00
Nửa năm . . . 2,60
Một số 0,10

Toa bao : 72, Phô hàng Khoai - Hanoi

Dépot légal
Le 29 mars 19..
L'Administrateur

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khẩn-cáo

Muốn tiện việc sổ-sách, xin nhắc lại để các ngài Đại-lý nhớ cho rằng: từ nay, cứ vào ngày mồng 5 đầu tháng, xin các Ngài cho biết số báo bán trong tháng trước và nhân tiện gửi mandat về cho. Bản-chí lấy làm cảm tạ lắm lắm.

☆☆

Vì số báo vừa ra, được các độc-giả đặc biệt hoan-nghinh, nên số báo in ra hiện ở Hanoi đã bán hết cả. Vậy xin các ngài đại-lý ở các tỉnh, nếu số báo 32 còn thừa lại, thì xin gửi ngay về cho.

Kính cáo
An-nam Tạp-chí

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, đầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00
Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**
N° 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim huyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, đong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt rức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu điều đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ TINH DƯỢC PHÒNG
114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

BÀI-TRỪ CÁI NẠN PHAN-KHÔI Ở NAM-KỲ

CÙNG BÀI « TỐNG - NHO VỚI PHỤ - NỮ »

Trong *Phụ-nữ tân-văn* số 95, ra ngày *13 août 1931*, ông *Phan-Khôi* có viết bài « *Tống-nho với phụ-nữ* », yết đại-ý ở dưới đề-mục rằng:

« Cái luật cấm cải-giá là bất-công, vô-đạo, cướp mất quyền-lợi đàn-bà mà không bổ-ích gì cho phong-hóa, nên phế-trừ đi là phải ».

Theo ý tôi, thời: Cái đại-ý của bài luận-lý ấy, thực là *bất-công, vô-đạo, làm hại phong-hóa mà không có bổ-ích gì cho đàn-bà, nên phế-trừ đi là phải.*

Xin cứ những lời tầm-bậy trong bài ấy, chỉ-trích và thuyết-minh ra, để phụ-nữ trong Nam và chư-vị Độc-giả cùng nghe, rồi sẽ kết tội-án Phan-Khôi ở cuối.

Ngay trong lời yết đại-ý ở dưới đề-mục của bài ấy, mở đầu có năm chữ « *cái luật cấm cải-giá,* » thực rất là tầm-bậy! Sự tầm-bậy đó, ở chữ « *luật* » và chữ « *cấm* ».— Nói về chữ « *luật* », tự ông Khôi cũng đã biết là nói bướng, cho nên ông có đỡ lời ở *khoảng cuối cột thứ sáu* trong bài ấy rằng:

« *Sự cấm cải-giá đó, tôi kêu bằng « luật », không phải là luật thiệt đâu. Nó không phải là luật trong pháp-luật, mà là luật trong luân-lý* ».

Đã biết không phải là *luật*, thời sao được dùng chữ đó để nói bướng? Xưa nay trong Hán-văn, chỉ thường thấy có những chữ « pháp-luật — 法律 », « hình-luật — 刑律 » chớ có chữ « luân-lý-luật — 倫理律 » đặt đi với nhau bao giờ? Ông Khôi biết là nói bướng mà cứ nói, cho nên bảo là *lời tầm-bậy*, thực rất là không oan!—

Chữ « *luật* » đã tầm-bậy, thời chữ « *cấm* » theo ở đó mà ra. Phàm những sự gì do pháp-luật cấm chỉ không cho ai được như thế, nếu có ai dám như thế thời phải bắt làm tội, như thế mới dùng đến chữ « cấm — 禁 ». Cho nên như ở các đầu đường ngõ hẻm trong thành-phố, thường có yết chữ : « 禁不得放穢 — *Cấm bất đắc phóng uế* ». Vậy thời nếu có ai phóng uế ở chỗ đó, ông Phú-lít sẽ bắt làm tội. Như thế mới rõ là « *cấm* ». Còn như đối với sự *cải-giá* của đàn-bà, xưa nay, dù vua chúa, dù thánh-hiền, chỉ có khuyên người ta giữ được đạo trinh-tiết là đáng quý đáng chuộng; chớ chưa từng có điều-luật, kinh-điển nào dám nói rõ: « cấm bất đắc cải-giá » bao giờ. Đối với sự ấy mà nói rõ chữ « *cấm* », tôi chỉ nghe thấy, trong khi tôi còn nhỏ, ở những *đám hát chèo* ở thôn-quê xứ Bắc, vai hề ra hát, có câu rằng:

« *Chỉ vua ra cấm con gái hóa không cho đi lấy chồng.*
« *Trống cơm ai vỗ nên « bông!* »
« *Một đàn con nít sang sông đi tìm. . . . .* »

Đến nay lại coi thấy ở trong bài luận-thuyết của ông Phan-Khôi là thứ hai. Lấy cái học-thức *chú hề chèo*, mà viết bài luận-lý, đăng lên to lớn ở trong tờ Tân-văn. Ôi, nghĩ cũng đáng buồn cho Báo-giới nước ta lúc nay, mà riêng tiếc cho tờ Tân-văn son phấn kia vậy!

« Cái luật cấm cải giá » mà ông Phan-Khôi đã nói bậy ra đó, ông cốt để vu buộc vào cho Tống-nho. Cho nên ở đầu bài của ông viết, đặt là « Tống-nho với phụ-nữ ». Trong bài, nói về những người đàn-bà xa chồng mà ở yên không đi lấy chồng khác, cùng những người đàn-bà hóa chồng mà ở vậy không đi lấy chồng khác, ông Khôi cho là chịu cái ảnh-hưởng của Tống-nho phần thứ nhất. Những lời của ông rằng:

« . . . cái ảnh-hưởng trực-tiếp thứ nhất là chịu của Tống-nho, tức là cai luật cấm đàn-bà cải-giá ».

« . . . phụ-nữ ta vẫn còn sự thiệt-thòi giống như vậy (1) bởi cái học-thuyết của Tống-nho ».

Hai chữ « Tống-nho » trong bài của ông, ý riêng trỏ vào phái Trình-tử, Chu-tử, mà phần nói về Trình-tử nhiều hơn. Lời ông Khôi rằng:

« Vậy mà đến Trình-Hy (2) (sanh năm 1033) thời ông chủ-trương một cách nghiêm-khốc quá, ông cấm tiệt đàn-bà không được cải-giá, chẳng hề dung-chế một chút nào ».

Lời ông Khôi buộc lỗi Trình-tử như vậy, mà ông dẫn-trứng ở trong một quyển sách chữ nho có nói:

又問。人或居孀貧窮無託者。可再嫁否。曰。只是後世怕餓死。故有是說。然餓死事極小。失節事極大。

Ông Khôi dịch:

« Lại hỏi (3): người đàn bà ở góa mà bần-cùng không cậy nhờ ai được, thời có nên tái-giá không?

« Đáp rằng (4): chỉ có người đời sau « đối với đời

(1) Ông Khôi trỏ vào việc vợ Trần-Hòa trong bài nói của ông.

(2) Cứ ở sách: Trình-tử, Y-Xuyên tiên-sinh, tên là *Di* (程頤 — *Trình-Di*); Chu-tử, Hối-am tiên-sinh, tên là *Hy*. (朱熹 — *Chu-Hy*). Trong bài của ông Khôi có nói đến cả hai người: Trình-tử, Chu-tử. Vậy mà ông nói đến Trình-tử, toàn viết là « *Trình-Hy* »; còn tên của Chu-tử thời không thấy nói đến. Lấy họ của người nọ, đặt vào tên người kia, như thể hợp hai người làm một, thật là kỳ-quặc! Xem sự học của ông Khôi cẩu-thả vô nghĩa-lý như vậy, thời về phần luận-lý của ông đủ biết.

(3) Lời hoặc-giả. — (4) Lời Trình-tử.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

xưa), sợ chết đói, mới có cái thuyết ấy. Song le, chết đói là sự rất nhỏ, còn thất-tiết là sự rất lớn!»

Giở lên, theo những lời đã chỉ-trích trong bài của ông Khôi, xin chia làm hai đoạn thuyết-minh, cho thấy sự luận-lý không chánh-đáng của bài luận-lý ấy.

☆☆☆

Cứ nguyên-văn một đoạn trong sách chữ Hán như trên, mà ông Khôi dịch nghĩa ra như thế, thực là đúng. Dịch nghĩa đã đúng, mà nhận nghĩa sao còn sai? Chỉ là ông Khôi cố ý buộc lỗi cho Trình-tử, cho nên lời luận-lý thành ra khiên-cưỡng mà không chánh-đáng vậy. Nay thuyết minh:

Cứ như lời của kẻ hỏi Trình-tử đó, chỉ hỏi là «có *nên* tái-giá không?» Thực cũng chưa từng có nói đến tiếng «*được*». *Nên* với *được*, hai chữ ấy khác nhau rất xa. Đến như Trình-tử đáp lại, ý nghiêm mà lời rất thư-từ, không dám bảo ngay kẻ hỏi rằng *không nên;* chỉ đem hai sự đối nhau, phân-trần khinh trọng, (chữ nhỏ đó, ý là khinh; chữ lớn đó, ý là trọng). Nên hay không nên, mặc người hỏi tự quyết-định lấy. Ví như:

Có kẻ hỏi: Ở nhà thời nhịn đói, có nên đi xin mà ăn không?

Đáp rằng: nhịn đói là sự thường, đi xin mà ăn là sự quan-trọng.

Vậy thời kẻ kia nếu không nhịn được đói, cứ đi xin mà ăn; không nên hay nên, cũng mặc ý. Tự người giả lời câu hỏi đó, muốn bảo rằng không nên, còn không dám nói rõ, mà đâu có dám rằng cấm ai?

Nay ông Khôi đã dẫn dịch câu ấy như thế, mà buộc chặt cho Trình-tử rằng «*Cấm tiệt đàn bà không được cải giá.*» Thực là *vu hãm tiên-hiền* 誣陷先賢 vậy!

Xét ra chỗ ông Khôi vu hãm Tiên-hiền như thế, thời biết những lời của ông nói, cho những người đàn bà xa chồng mà ở yên, cùng những người đàn bà hóa chồng mà ở vậy, *cái ảnh-hưởng trực-tiếp thứ nhất, là chịu của Tống-nho*, thực là không có căn-cứ gì vậy. Nay lại xin cứ ở kinh sử, xét theo mấy câu ngôn-luận, mấy sự hành-vi của cổ-nhân, cho thấy rõ những lời luận-lý của ông Khôi, chỉ là tầm-bậy.

Xét về ngôn-luận :

Ở kinh *Dịch*, có câu rằng : 婦人貞吉從一而終也 « *Phụ-nhân trinh cát, tùng nhất nhi chung dã*» Nghĩa là « *Người đàn bà mà chính truyên, ấy tốt: Theo một chồng cho trọn đời.* »

Ở sử *Bác*, đời Chiến-quốc, lời Vương-Chúc: «烈女不更二夫 *Liệt-nữ bất canh nhị phu.*» Nghĩa là «*Người con gái tiết-liệt: không đổi hai đời chồng.*»

Ngạn-ngữ của nước ta có câu: « *Gái chính-truyên, lấy một chồng.*» Tức là do ở hai câu chữ nho kia thoát nghĩa sang vậy.

Xét về hành-vi:

Ở kinh *Xuân-thu*, truyện họ *Tả* : « Công-tử nước Tấn là Trùng-nhĩ, chạy nạn qua nước Địch, có lấy người vợ tên là *Quý-ngỗi*. Lúc Trùng-nhĩ lại bỏ Địch sắp chạy sang Tề, bảo Quý-ngỗi rằng: « Đợi tôi hai-mươi-nhăm (25) năm không giở lại thời rồi hãy đi lấy chồng». Quý-ngỗi nói; « Tôi nay đã hai-mươi-nhăm năm (tức là tuổi) lại như thế nữa mà mới lấy chồng, thời chỉ có chui vào quan-tài! Nhưng mà xin đợi anh.»

Ấy là người đàn bà xa chồng mà đành lòng ở yên.

Ở kinh *Thi*, thơ Bách-chu:

汎彼柏舟。在彼中河。髮彼兩髦。實維我儀。之死矢靡他。母也天只。不諒人只。

« Phiếm bỉ bách-chu, tại bỉ trung-hà.
« Khảm bỉ lưỡng mao, thực duy ngã nghi.
« Chi tử thỉ mỹ tha.
« Mẫu dã thiên chỉ, bất lượng nhân chỉ !

Dịch :

« *Lênh-đênh kia chiếc thuyền chôi !*
« *Chiếc thuyền gỗ bách ! ai ôi giữa giòng !*
« *Trái-đào buông xuống song song,*
« *Thật là đôi lứa sánh cùng với ta.*
« *Thân này đến chết ru mà.*
« *Thề rằng chẳng có đậm đà cùng ai.*
« *Mẹ ơi, mẹ thật như giời!*
« *Sao mà chẳng lượng cho người thế ru?* »

Thơ này của nàng Cung-khương nước Vệ. Nàng hóa chồng sớm, bố mẹ muốn lại đem gả chồng khác, mà Nàng nhất định không nghe, cho nên làm ra thơ đây để tự thề cái chí mình.

Ấy là người đàn bà hóa chồng mà quyết lòng ở vậy.

Tóm lại những ngôn-luận hành-vi của cổ-nhân như đó, đều ở về những đời Xuân-thu Chiến-quốc giở về trước, tức là ngang với nước ta trong khoảng đời Hùng-vương. Trình-tử, Chu-tử, các vị Tống-nho sinh đời Nam-Tống ở Trung-quốc, ngang với sử ta giữa đời nhà Lý giở về sau. Cứ vậy ngẫm ra, tự thấy rằng một đạo trinh-tiết của đàn bà Á-đông, thực do thượng-cổ truyền lại, gốc ở một chữ 貞 *trinh* trong kinh Dịch nẩy mầm ra, đời đời nối tiếp vun bồi, gây thành cái phong-hóa tuyệt thanh quí trong nhân-loại. Nay Phan-Khôi dám cho những sự đó là *đàn-bà chịu sự thiệt-thòi*, mà lại qui cái ảnh-hưởng trực-tiếp là chịu của Tống-nho. Thực là *loạn ngôn hoặc chúng* 亂言惑衆 vậy!

(sẽ tiếp)

Tản-Đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Lời phẩm-bình của thiên-hạ

Si la critique est juste et pleine d'égards, vous lui devez des remerciements et de la déférence ; si elle est juste et sans égards, de la déférence sans remerciements ; si elle est outrageante et injuste, le silence et l'oubli.

D'ALEMBERT

Certains critiques de notre temps éprouvent besoin de rabaisser, d'amoindrir, d'éteindre avec frénésie tout ce qui est grand, tout ce qui s'élève au dessus de leur incapacité morale.

X. X. X.

Nhời bình-phẩm nào công bằng mà biết lễ-nhượng, ta nên cảm tạ và nể-vì. Nhời bình-phẩm nào công-bàng nhưng không giữ lễ-nhượng, ta nên nể mà không cần cảm-tạ. Nhời bình-phẩm nào vỗ-lễ mà không công-bàng, ta nên bỏ qua không nói đến, quên bằng không nghĩ đến.

Ng. T. L. dịch

Nhiều kẻ phê-bình ở buổi đời nay, chỉ muốn thấy cái gì to-tát thì kéo nó xuống, làm giảm giá-trị nó; thấy cái gì cao-thượng hơn cái lòng mờ tối của họ, chẳng biết thế nào là **tà**, thế nào là **chính**, chỉ vùi giập nó đi, hình như họ không làm thế thì không chịu được.

Ng. T. L. dịch

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC
ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN

IV

Việc viết văn theo nhời nhẽ mới và lề-lối mới, có nhẽ lại là một việc khó hơn là đem tư-tưởng mới và cảm-tình mới thu-thái vào văn của ta. Vì sao? Vì nhời-nhẽ và lề-lối văn của ta nếu không theo cái nếp cũ của Hán-học để lại, thì có nhẽ nhời khó thành nhời, mà lối không ra lối. Quốc-văn và Hán-văn liên-lạc với nhau đến như thế!

Cái chỗ liên-lạc đó dẫu ai muốn ngắt đứt đi cũng không thể ngắt được; mà cũng không ai điên-rồ gì, đến nỗi muốn ngắt đứt đi. Đã hay rằng đời bây giờ không phải là đời ta học chữ Nho được nữa rồi, một là bởi vì chữ Nho đã không đủ làm một cái khí-giới trong cuộc cạnh-tranh sinh-tồn của từng người, hai là bởi vì chữ Nho không đủ làm cái khí-giới trong cuộc cạnh-tranh sinh-tồn của một nước; song, có chữ Nho tức là có thêm một cái kho văn-hóa nữa, để cho ta xem xét, rồi tùy hay hay dở mà bắt chiếc hay không bắt chiếc. Huống chi quốc-văn ta từ trước đến nay, có nhiều bài tinh-thần Nam-Việt mà nhời nhẽ thì toàn là chữ Nho; lại những bài nào bằng chữ nôm, cũng đều dùng nhiều chữ Nho và điển tích trong sách Nho; nhiều tiếng chữ Nho đã hóa thành những tiếng An-Nam hẳn rồi, đàn-bà trẻ con cũng hiểu đó là những sự ai nấy đều rõ; vậy dẫu ai muốn làm «tân-thời văn-học», nếu chỉ có học mới thiếu một chút Hán-học, tất cũng chưa hoàn-toàn; tuy chẳng cần phải quay về học lại từ Tam-Tự-Kinh mà đi, song cũng phải biết qua học cũ và để ý vào những các chữ Nho hay dùng điểm lẫn Quốc-văn. — Nhưng một đằng cứ khảo về nguồn-gốc Quốc-văn, một đằng cứ muốn cho Quốc-văn mới ra; muốn tránh cho nhời nhẽ và lề-lối của Quốc-văn phải cũ mãi, hi-vọng ấy không phải là viển-vông.

Các nhà văn An-Nam ai là người hiểu nhẽ đời, tưởng nên mau mau bỏ hết những chữ Nho mà vẫn hay đem pha vào Quốc-văn đi; phàm cái gì có thể nói bằng tiếng An-Nam, thì xin nói tiếng An-Nam cho, trừ những tiếng chữ Nho rất dễ hiểu, đối với khắp các hạng người trong nước An-Nam cũng không có gì là khó-khăn, thì hãy dùng.

Người viết bài này có khi chưa làm được như nhời nói ấy. Đó cũng là vì cái nếp nhà, cái giáo-dục của gia-đình. Nhưng, chúng tôi đâu dám tự lấy văn của mình mà làm gương, dẫu làm ví-dụ cũng vậy. —

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Cái nhẽ nên bỏ bớt chữ Nho trong những bài Quốc-văn đi, tuy đã bàn nhiều, nhắc lại một lần tưởng cũng không thừa. Vậy văn mới không nên có nhiều chữ Nho, đó là một điều.

Điều thứ hai nữa, là nên phá bỏ cái lối mà chữ Nho gọi là « dụng điển », nghĩa là lấy các điển-tích, các công việc kể trong sách cũ mà có liên can đến đầu bài văn của mình, đem ra mà dẫn. Điển-tích cũ không nên đem ra nữa, mà điển-tích mới, nghĩa là điển-tích Hi-Lạp, La-Mã, Pháp-Lan, tưởng cũng không cần phải đem vào. Bởi vì lấy điển-tích mà làm văn, rút lại chỉ là sống trong cõi mộng và lăn lộn trong đống sách.— Sự thực, trong đó mới chính là có nhiều « điển-tích » đáng chú-ý, có nhiều bài học mà nếu tầm con mắt ta đủ sức xét cho đến nơi đến gốc, thì bài học ấy giúp ích cho tư-tưởng và cảm-tình của nhà văn, nuôi cho cái hồn văn, thêm màu thêm vẻ cho nhời văn, chẳng kém điển-tích trong sách chút nào. Đã hay, làm văn-chương mà có dùng điển-tích cũng nhiều khi câu văn được gọn gàng ý-vị.— Nhưng đời mới, xin hãy tạm để cái sự thực lên trên cái thú được dựa vào quyển sách.

Điều thứ ba, xin bỏ những « câu sáo », những chữ đã sẵn có trong các bài văn cổ rồi về sau ai nấy đều đua nhau đem ra dùng, lấy vào làm của mình.— Đã hay rằng nếu nhất định dùng chữ gì cũng là chữ mới cả, thì điều ấy không thể sao đạt được, vì tiếng nói gì mà chẳng là tiếng chung, câu văn gì mà chẳng phải ghép tiếng nói lại, mới thành câu.— Như ông **La Bruyère** đã nói: « Trải qua hơn sáu nghìn năm có giống người, mà giống người là loài có tư-tưởng,— thì còn điều gì mà chẳng đã có người xưa nói ra trước mình ». (*Tout est dit depuis six mille ans qu'il y a des hommes et qui pensent*), nhời ấy tuy hơi quá nhưng không phải là không đúng. Vậy thì tránh sao được những câu sáo?—Đã hay tránh hẳn được các câu sáo, khó lắm. — Nhưng cứ phải cố mà tránh được chút nào, có nhẽ văn có thể mới thêm chút ấy. Nhời bàn ấy tưởng như thừa; nhưng xem văn tả-cảnh của ta bây giờ, sẽ thấy vừa tránh được những các câu sáo cũ: « khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang », hay là « án sách, ngọn đèn », « phím loan bút thỏ », hay là « nhà cao, cửa rộng », « điếu-sứ mâm son »,— thì lại mắc vào với các sáo mới: « mặt trái soan, mắt lóng lánh, áo bông-bay, khăn chale xanh, trắng, hồng, » để tả người, hay là cái « a-ba-giua-xanh », bộ « sa-lông », « ngọn đèn măng-sông », « chiếc giường sắt », một trăm nghìn đoản-thiên tiểu-thuyết đăng ở các nhật báo, các tác-giả cũng đua nhau quanh mấy câu sáo ấy, tưởng nhầm đó là « văn mới », « tả cảnh giống lối-văn tả cảnh trong các *tiểu-thuyết tây* » *nghĩ* cũng thương tâm thay!— Về văn tả tâm-lý, nếu không biết tránh những câu sáo, sẽ có cái hại hơn, vì nhời hèn mà không vẽ ra được tư-tưởng và cảm-tình mới.

Điều thứ ba nên bỏ đi, là một sự nệ về cách đặt câu, cầu kỳ cho chữ nọ đối chữ kia, câu nọ đối câu kia. Lối văn « câu đối » cứ theo văn xưa thì nó lẫn vào trong khắp các lối văn khác, nào thơ nào phú— nào văn lục-bát, hay song thất lục-bát, văn tế, văn bia, có xem câu đối ở trong cả, mà cả văn xuôi hay nhời nói thường, cũng xen câu đối, cái đó có nhẽ kể về nghề chơi thì có thú-vị thật, kể về công-dụng thì có thể nhân vì gò gẫm nhời nhẽ mà bắt phải nung nấu ý-tứ cho sâu xa thật,— kể về tâm-lý thì có nhẽ trong cái bản-tính của người An-Nam có một cái tính ưa những ý-tứ và nhời nhẽ dóng đôi, nếu không thế thì không thấy « cân », không thấy « chỉnh »,— song chung qui không khỏi khiến cho vì những sự vụn vặt mà hại đến cái khí-văn, vì gò-gẫm quá mà mất cái lực của văn. Nếu đời mới mà cứ nệ mãi vào những sự kén chọn lựa lọc cân nhắc chữ nọ chữ kia, không khỏi làm chậm sự tiến-hóa của quốc-văn. Bởi lối văn câu đối đối chữ đối nghĩa đối nhời đi thì tức là làm biến-đổi hết cả thể thơ phú văn chương cũ, đó là một việc lớn. Nhưng chẳng quyết-định mà làm thì có nhẽ đào-thải rồi những lối văn ấy tự-nhiên cũng mất đi hay biến-đổi. Hiện nay có nhẽ không mấy ai ngồi rung đùi làm văn sách, làm phú. Vậy hiện nay tuy còn nhiều người làm thơ cả người học mới lúc buồn cũng chỉ biết cái thú làm thơ, nhưng nếu hai ba mươi năm nữa, không ai làm thơ theo lối cũ, vị tất đã không phải là một sự tiến-bộ. Thơ ca cũ, câu đối cũ, là một cách chơi thanh thú thì mai sau mãi mãi cũng vẫn để làm một cách chơi được.— Nhưng cái tương-lai của quốc-văn hay dở có nhẽ mong về văn xuôi, mà cái văn xuôi hay ở cái sức mạnh đi lai láng như sóng, vùn vụt như gió, như mây, êm như gió thoảng, sáng như giăng như sao, đạt được ý, vẽ được tình, chứ không hay ở những cái tiểu-xảo.

(Còn nữa)

Nguyễn-Tiến-Lãng

Khẩn-cáo

Vì Nhà nước đổi lại các số nhà ở Phố hàng Khoai, vậy Bản-quán vẫn ở nhà cũ, mà từ nay là số 72.
Từ kỳ sau xin độc-giả chư vị chú-ý.
A. N. T. C.

VĂN CHƯƠNG PHIẾN LOẠN

(Littérature sédilieuse)

Trên mặt tờ báo Annam Nouveau ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã có nhiều lần bầy tỏ cảm-tình đối với cái quan-niệm của phái cựu-nho, mà nhất là đối với người lãnh-tụ phái ấy, là nhà chí-sĩ Phan Sào-nam. Mới đây, nhân dịp nhà thi sĩ Trần-tuấn-Khải, vì quyển «Sách chơi xuân», phải sa vào vòng pháp-luật, ông Nguyễn-văn-Vĩnh lại viết một bài đầu đề như trên đây, để nhắc lại những ý-tưởng sâu xa của ông về vấn-đề ấy.

Tôi tuy hèn kém, cũng dám tự nhận là một người em út trong phái làng nho; bởi vậy, đối với những nhời bình-luận của ông Nguyễn-văn Vĩnh, không thể coi như gió thoảng bên tai, mà bỏ qua đi được. Nhưng khốn nỗi..... Vả, tự xét không đủ tư cách để bình-phẩm thân-thế nhà chí-sĩ Phan Sào-nam, cũng là tư-tưởng ái-quốc của nhà đại chính-trị Nguyễn-văn-Vĩnh, nên xin cứ nguyên văn dịch ra sau đây, để chất chính cùng Độc-giả chư quân-tử.

. . .

Nhân việc tác-giả và người ấn-hành quyển «Sách chơi xuân» bị bắt, chúng tôi mới lưu-ý đến cuốn sách ấy mà, giá không có dịp này, có lẽ chúng tôi không để mắt tới bao giờ.

Người tác-giả tức là nhà thi-sĩ Trần-tuấn-Khải, mà cái thi-tài đã phát-lộ ra ở trong sự đặt ra giọng hát Cải-lương, thí dụ như bài hát «Anh khóa». Ông này cũng là một người trong phái những tay làng thơ xuất sắc, nhờ những câu thơ và những đoạn văn vần déo dắt, mà nổi tiếng, nhưng chính các ông thì, đối với những thơ văn ấy, lại chẳng có quan-niệm gì.

Trong mục thời-sự dưới đây, chúng tôi đã phàn-nàn rằng việc bắt bớ ấy có điều nghiêm-khắc quá. Nếu ở đây, chúng tôi lại bầy tỏ những lời bình-phẩm không có vẻ nồng-nàn với người đương bị nạn, thì chả hóa ra chúng tôi hẹp lượng lắm ru?

Tuy vậy, tôi muốn nhân đây mách-bảo cho bạn thiếu-niên ta hiểu biết cái tâm-trí những tay «thạo-nói» ấy hão-huyền đến thế nào.

Cần phải phấn-đấu, cần phải sinh-hoạt, tôi xin biểu đồng-tình với nhà thi-sĩ xuất-sắc kia ở chỗ đó. Nhưng bao giờ cũng cốt làm khêu-gợi trong lòng người ta những ý-tưởng sâu-não, nào có phải là sinh-hoạt! mà lúc nào cũng cứ đem những đứng anh-hùng anh-thư đời trước ra để mong đối-phó với những mãnh-lực đời nay, nào có phải là phấn-đấu! Những bực anh-hùng như ông Trần-Hưng-Đạo và hai Bà Trưng, thiên-cổ vẫn là anh-hùng, nhưng sự-nghiệp anh-hùng của các ngài bây giờ đã quá mùa rồi. Nay ta không có thể phấn-đấu bằng những lời nói hùng-hồn rỗng tuyếch và những mưu-mẹo đàn-bà được. Ta cần phải một là theo gương Thái-Tây như nước Nhật-bản, hai là quay phắt lưng lại với họ như ông Gandhi.

Ông Gandhi nhờ được ở tấm lòng mê-tín quả-cảm của những đám quần-chúng còn ngu-muội và nhất-định nằm yên ở trong cuộc đời điềm-tĩnh của họ. Còn ta đây, ngay trước mắt ta, lúc nào cũng thấy hiện ra cái cảnh-tượng một đám người chậm bước, nhưng tự biết mình chậm bước và tình-nguyện muốn tự đẩy mình vào cõi đời sinh-hoạt mới. Vậy muốn phấn-đấu, ta phải phấn-đấu ở trong vòng-khuôn cái đời sinh-hoạt mới ấy, chứ không phải ở trong những trường-sở mơ-tưởng của cái đời quá-khứ, đã qua hẳn đi rồi.

Ông Trần-tuấn-Khải, cũng như những người đồng-loại với ông, là những tay nhà-nho cổ, muốn làm mê tai chúng ta bằng những câu văn sáo, nhưng ông lại muốn dủ ta hình-hương sùng bái những bực anh-hùng trái ngược hẳn nhau, mà tư-tưởng và công-việc của các bực này, dễ thường chính ông cũng chưa hiểu thấu được. Ông kể ra để làm gương cho ta, nào là hai bà Trưng, nào là cụ Trần Hưng-Đạo, nào ông Gandhi, nào ông Mustapha Kémal, nào ông Mussolini, nào ông Tưởng-Giới-Thạch; rồi dưới ngòi bút vừa lưu-loát vừa cay-độc, thấm-thía, ông «chửi» phường ta là hèn-nhát cả, đã không nêu gương được những bực cổ anh-hùng Nam-Việt, cũng không biết bắt chước được những tay dẫn-đạo quần-chúng trong đời nay.

Phục cái tài «nặn câu» của ông Khải, ta vẫn nên đọc cuốn «Sách chơi xuân» cho vui tai, nhưng cũng nên biết rằng ý-tưởng thì thật là rỗng tuyếch, không có gì cả. Đến như về phần tôn-chỉ hành-động của ta ở trong thời này, ta còn cần nên lưu-tâm đến những thực-cảnh ở đời và tìm phương đối-phó mới được.

Trong trường-hợp này, rồi đây Chính-phủ bảo-hộ chắc sẽ biết xử-trí cho hợp với lòng nhân-dũng của người Pháp. Nếu những «trò trẻ con» ấy không biến thành ra những thực sự, thì chính-phủ sẽ không coi vào đâu và chỉ trừng-trị các việc đã thực-hành mà thôi. Bởi vì đối với một dân-tộc yếu hèn như đàn bà, không biết lượng trước khi làm việc, mà chỉ thích rung đùi tự-đắc bằng những câu rỗng tuyếch, như dân-tộc ta, nếu chính-phủ lại can-thiệp đến cả tư-tưởng, thì cơ-quan cảnh-sát nào ứng-dụng cho suể được. Những người hành-động, thường không có tư-tưởng gì và mắt cũng không khi nào ngó đến quyển sách. Nếu họ lại biết

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đọc, thì người ta chính nên dùng các sách vở để làm cho họ biết rằng công-cuộc hành-động của họ là giại là sằng.

Vả chăng muốn đối-phó với tư-tưởng lại cần phải dùng tư-tưởng. Trừng-trị tư-tưởng bằng cách tàn-bạo, tức là làm cho tư-tưởng ấy có cái đặc-giá những việc bị ngược-đãi. Mà cái điều ấy rất nên tránh, nhất là đối với tư-tưởng vô-dụng của những nhà «nặn câu» có tiếng, bởi vì mục-đích họ không định gây nên một phong-trào tư-tưởng — chính họ có chủ-kiến gì đâu — mà chỉ cốt lợi-dụng cái tâm hồn tàng-tật của một số đồng-bào ta. Chẳng qua đó là công-chuyện những nhà-nho ngồi rồi, chỉ có một đường là khêu-gãi mối tình-cảm của dân-chúng đối với các việc đã qua và tán-dương lòng ghen ghét thời-thế mới. Giống người ấy, không phải cứ nghiêm-trị họ mà làm tiệt đi được. Trái lại, chính nên đãi họ như đãi Phan - bội - Châu thì dần dần tự-nhiên không những người khác khinh họ mà họ cũng tự-khinh.

Phan - bội - Châu ; cũng là một nhà thi-sĩ thần-thánh đến thế nào! trong khi ông ta còn chốn-chánh, bị tầm-nã riết ở bên Tàu, rõ thật là một « kẻ » mà ai cũng mong sẽ thấy làm nên công-cuộc gì vẻ vang kinh động. Rồi được ân xá về, — giả bảo là đặc-ân dễ cũng được, — ông ta nghiễm-nhiên túy-lý trong vòng lừng-lẫy ít lâu, ngồi cho thiên-hạ sùng-bái ở kinh-thành Huế, Rồi dần dần, những kẻ sùng-bái ông, thấy các bài diễn-văn của ông càng ngày càng vô-vị, nhất là những nhời sàm-hối tán-dương chủ-nghĩa « đề-huề », cái chủ-nghĩa mà thày đội « phú-lít » hạng bét thực - hành còn thạo hơn ông ; những câu nhảm-nhí đáp lại phụ-lão các làng đã nghênh tiếp ông như một ông « thánh - sống » ; những câu nhắc đi nhắc lại cái vấn-đề trường-học và sự bãi-bỏ các tục lệ hương-đảng ; trung quy, ông làm cho các người tôn-phục ông phải phát chán mà không khỏi nghĩ thầm rằng ; nghĩ thần thánh thế nào, hóa ra có thế thôi à!

Đấy cứ lấy tài thơ văn, Trần-tuấn-Khải có đủ lực-lượng đóng một vai Phan-bội-Châu nữa. Được thả lỏng ra, hắn sẽ làm cho ta choáng (c bằng những bài thơ bài văn « có tật » ; mà cứ nhắc đi nhắc lại mãi những nhời khuyên-nhủ nên bắt trước cả nào Trần-hưng-Đạo, nào Nhị-Trưng, nào Mussolini ; nào Gandhi ; nào Mustapha Kémal ; nao Trưởng-giới-Thạch rồi hắn cũng phải làm cho những người sùng-bái hắn phải chán tai.

Ngô-Thúc-Địch dịch

KHẢO VỀ NHÂN CHỦNG

Giống tóc (*les cheveux*)

Những nhà nhân- chủng-khảo đã nghiên-cứu về các giống tóc, mà chia ra ba hạng sau này:

1. — Tóc thẳng (rectilignes) tóc mượt (lisses), tóc cứng (raides) và thứ tóc to (gros), như dân Trung-hoa. Mông-cổ và thổ-dân châu Mỹ (Aborigènes Américains).

2. — Tóc quăn như có làn sóng cuốn (ondulés) uốn cong đầu nọ lại với đầu kia, như người Dravidiens(1) người Úc-đại-lợi (Australiens) người Ấn - độ nê - giêng (Indonésiens) và hầu-hết số người da trắng.

3. — Tóc như lông chiên (laineux) hay có dợn (crépus) ở những vòng tóc mảnh, lại có chỗ nhiều hình khoáy nhỏ (petites touffes) như người Négrilles người Boschimans, người Hắc-nô (2), người mọi đen (Papous) và người Mélanésiens Úc-châu.

Sự khảo-sát này cũng tương tự cuốn «Mon Pastand Présent» của A. H.Keane, nhà nhân-chủng-khảo Anh-cát-lợi.

Mầu da (*la couleur de la peau*)

Khảo về các mầu da người ta chia ra 10 hạng chính khác nhau như sau này:

1. — Hạng trắng xanh.
2. — Hạng trắng đỏ.

như người Hồng-mao người Hòa-lan và người Scandinave (3)

3. — Hạng trắng xám (blanc basané) như người Y-pha-nho và người Ý-đại-lợi vân vân....

4. — Giống người ta thường gọi là giống da vàng cũng chia ra mấy hạng : 1. — Thứ vàng xanh 2. — Thứ vàng bủng. 3. — Thứ vàng tựa hạt lúa miến như người Trung-quốc

5. — Thứ vàng sam như mầu da va-li mới (couleur du cuir neuf des valises) như dân An - độ nê-giêng (Indonésiens) phần đông dân Ấn-độ ở bên Nam - Mỹ và dân Polynésiens (4).

6. — Thứ màu nâu hay màu lá úa như người thổ-dân Mỹ và người Mã-lai (Malais) vân vân...

7. — Giống người da sẫm (peau foncée) người ta chia ra : mầu nâu đỏ hoặc mầu da quế (couleur cannelle) như người Niams-Niams (5) và người Peuls (6).

8. — Thứ da như mầu chocolat, như giống (Dravidiens) và giống (Australiens).

9. -- Thứ mầu nâu thực sẫm.

10. — Thứ mầu đen.

như giống Hắc-nô (Nègres).

(Bài này của J. Deniker)

(còn nữa)

Mai-Thanh-Hồng
Hảidương

Phần chú-thích.— (1)*Dravidiens*=Giống người này ở phía Nam xứ Hindoustan châu Nam-Á.

(2) *Hắc-Nô* hoặc Nègres=Giống này ở tự của sông Sénégal, phía Nam đến gần miền xích-đạo, phía Đông đến miền thượng-lưu sông Nil Phi-châu, mùi da giống này có một cái đặc điểm như mùi hôi nách.

(3) *Scandinave* = Giống này là một chi-nhánh của giống người giữa khoảng Ấn-Âu hợp thành mấy giống Norvégiens, giống Suédois và giống Danois.

(4) *Polynésiens*= giống này ở Nouvelle-Guinées nối liền với Autralie lập nên một giống người nâu sẫm.

(5) *Niams-niams* = Giống này ở xứ Soudan xen giữa sông Nil, sông Congo và bờ hồ Tchad, diện tích đo được 220.000km², dân cư ước độ 4.000.000 người thuộc Anh-cát-lợi.

(6) *Peuls* =Giống này ở rải-rác trong xứ Sénégambie trên sông Niger và sông Bénoué.

TRINH THÁM NƯỚC ĐỨC

Đại-úy *Von-Tappken* hẹn tôi (1) hôm sau lại buồng giấy ông; nhưng mà tôi nghĩ kỹ thì không nên lại ngay như thế, vì nếu tỏ ra cách vội vàng, mình chẳng kẻo mang tiếng là con người cầu-cạnh. Được vài hôm đại-úy gửi cho tôi một bức thư, lời lẽ rất nhã, mời tôi đến chơi ngay, đại-úy có câu chuyện hữu-ích muốn nói cho tôi biết.

Bấy giờ tôi mới đi.

Tòa Kœnigsgreatzerstrasse, cũng như những tòa khác chuyên giữ việc trọng-yếu ở nước Đức, nom cách kiến trúc bề ngoài thì chỉ ra dáng chắc chắn vững vàng thôi chứ không có vẻ gì là cầu-kỳ, hoa hòe hoa sói; nhưng cách xếp đặt bên trong thì thật là đâu ra đấy, vừa tiện cho công việc, vừa kín đáo gọn gàng.

Người canh cổng, trước là một viên hạ-sĩ-quan, bộ-dạng rắn-rỏi cứng-cáp và ít cười ít nói. Thấy ai đến thì hỏi tên họ và đến có việc gì, định vào buồng nào. Khách trả lời thì người ấy biên vào quyển sổ tay rồi lập tức gọi điện-thoại đến buồng kia xem có muốn tiếp khách chăng. Nếu có, tự khắc một viên-chức đưa khách đến tận buồng đó, mở cửa mời khách vào rồi mới quay đi. Cái lệ này đã thành một cái lệ chung; những viên chức tòng-sự trong tòa mà đang ở buồng nọ, muốn sang hỏi buồng kia việc gì, cũng phải theo lệ này, chứ không được tự-do xuất nhập, đi lại lông-lao.

Viên-chức kia đưa tôi qua một dẫy dài, toàn là buồng giấy. Tôi liếc mắt nom bèn trong thấy nhiều thư-ký đang cặm cụi, người nào việc ấy. Sau đến phòng giấy riêng của Đại-úy Von Tappken; viên-chức kia khẽ gõ cửa.

Von Tappken tiếp tôi rất tử-tế, kéo ghế mời tôi ngồi và đưa một điếu xì-gà vào tận tay, mời tôi hút. Tôi nom ông ta thấy bận bộ quần áo đại-úy trong ngạch hải-quân của Đức-Hoàng. Nhân-tiện tôi nói luôn để các ngài rõ: mọi việc về chính-trị của nước Đức khi bấy giờ đều giao cho những viên sĩ-quan trong hai ngạch binh thủy, bộ trông nom coi sóc. Các viên sĩ-quan ấy đều kén ở trong bọn quý-tộc ra. Chính-phủ yên trí rằng đó là hạng có tài-đức quyền-mưu, lại sẵn dạ trung-thành, nghĩa là có thể hoàn-toàn tin cậy ở họ được. Các viên-chức ấy chỉ xếp-đặt chương-trình mọi việc, rồi giao cho những viên-chức ở hạ-cấp, cứ theo đó mà tuần-tự thi-hành, chứ không dúng tay vào làm một sự gì hết.

Nhắc lại cách đại-úy Von Tappken tiếp tôi hôm ấy rất lễ-phép. Cái đó đã thành ra một tinh thông thường của hạng sĩ-quan, xưa nay phần nhiều vẫn quen dùng cái vẻ nghiêm-nghị có lễ-độ để cảm-hóa và sai khiến các hàng quân-lính.

Đại-úy bảo tôi:

Thế nào? Bác-sĩ tới đây hôm nay là đã định vào để cùng với chúng tôi làm việc đấy chứ? Tôi dám quyết rằng một người thích đi đây đi đó, và ưa những sự mạo-hiểm như ngài thì chắc hẳn sẽ lấy nghề trinh-thám này làm thú. Tôi đã nghĩ kỹ lắm rồi. Nếu ngài thuận đem cái học-thức và cái lịch-duyệt của ngài ra mà cộng-tác với chúng tôi, thì thật là một sự lợi-ích chung cho chúng ta tất cả.

Tôi hỏi đại-úy xem rằng những công việc tôi sắp làm đó, nó như thế nào. Đại-úy đáp:

— Trước khi nói để ngài rõ công việc như thế nào, tôi cần phải biết ngài có định làm hẳn không đã.

— Nếu công việc không nhục đến thân-thế tôi, không tổn đến tổ-quốc tôi, thì tất nhiên tôi xin vui lòng mà làm.

Von Tappken sẽ mỉm cười nhìn thẳng vào mặt tôi, rồi đang nói giọng hòa-nhã, thốt nhiên đổi ngay ra một cái giọng sai người mà rằng:

— Các cường-quốc đối với ta, dùng cách nào thì ta lại dùng ngay cách ấy đối với họ. Bây giờ nếu ngài bằng lòng cùng với chúng tôi cùng làm việc, thì ngài thường hay phải đi các nơi để lấy tin tức. Ngại làm thế nào cho kỳ được việc thì làm; đó là tùy ở cái khôn ngoan khéo-léo của ngài. Chúng tôi chỉ cần chú-ý đến cái kết-quả của công việc mà thôi. Mỗi khi làm việc gì, chúng tôi sẽ đem hết cả những cái kinh-nghiệm về việc đó từ trước đến nay ra giúp ngài và có thể đỡ đần ngài được ít nhiều; cái đó đã có hạn. Song ngài phải nhớ luôn rằng nếu tự ngài làm cho tính-mệnh ngài mắc vào nơi nguy hiểm thì chúng tôi không cứu gỡ ngài đâu. Sự cứu gỡ đó, chúng tôi rất không muốn, mà nói cho cùng ra, dẫu có muốn cũng không thể được. Tóm lại thì công việc thường an ít nguy nhiều; mà mỗi lần ngài bị vướng vào trong vòng nguy nan cùng khốn, chánh-phủ cứ làm ngơ, tự-hồ không biết, chứ không khi nào lại can-thiệp đến để cứu ngài đâu.

(Sau này tôi mới biết rằng những lời Von Tappken nói với tôi bấy giờ đều là lời rất thật)

Nói chuyện đã đến đấy mà tuyệt nhiên chưa thấy ông ta đả-động gì tới vấn-đề lương bổng; tôi bèn hỏi thì ông ta đáp:

— Lương thì tùy ở công việc. Bây giờ mới vào, ngài được một số niên-bổng nhứt-định là 4.000marks; mỗi ngày lại 10marks để tiêu vặt, dẫu ngài ngồi chơi ở nhà cũng thế; xong mỗi việc, ngài lại được một số tiền thưởng, tùy việc to nhỏ. Số tiền thưởng đó, thường vẫn định từ trước. Khi ngài đi thám đâu, mỗi ngày thêm 40 marks tiền phụ-cấp. Nhưng tôi phải nói trước để ngài biết rằng một phần chia ba số lương của ngài sẽ giữ lại ở quỹ, ngài được hưởng lợi-tức năm phần.

Tôi rằng:

— Đại-úy cứ để tôi giữ lấy cũng được. Tôi biết giữ tiền của tôi mà!

Von Tappken mỉm cười.

—Ngài thì đã hẳn; nhưng phần nhiều các nhân-viên trong ban không đủ sức giữ được tiền của mình. Đặt ra cái lệ giữ lại một phần lương đó là vì hai lẽ; lẽ thứ nhất: giàng-buộc các nhân-viên; lẽ thứ hai: nếu

(1) Lời bác-sĩ *A. R. Graves* tự xưng.

Thè cũng nên thè-thao

Trần-chấn-Hòa, tên chữ là Tiểu-hắc-Thán, là một tay kiện-tướng trong làng cầu-chân ở Trung-hoa. Tiểu-hắc-Thán, bấy lâu vẫn được các anh em thiếu-niên Trung-hoa hâm-mộ. Mới đây, nhờ cái giã-tâm của người Nhật, mà tiếng-tăm của Tiểu-hắc-Thán đã vượt qua cái sân cỏ mà lan ra đến chỗ chiến-trường.

Trần-chấn-Hòa học ở trường Đại-học Kỷ-nam. Nhân dịp quân Nhật xâm Thượng-hải, liền xin ứng mộ vào đội nghĩa-dũng. Trên mặt trận Ngô-Tùng. Giang-Loan, Trần hăng hái xông-pha tên-đạn, chẳng khác gì những lúc tả xung hữu đột trên bãi sân quần. Sau ngày đình-chiến, quân Trung-hoa rút lui, Trần cũng được nghỉ phép về Quảng-đông. Ở Quảng-châu, có người hỏi đến việc dự-chiến ở Thượng-hải, Trần thuật chuyện rằng:

"Tôi cùng với bầy người anh em đồng-chí, xin ứng-mộ vào đội Nghĩa-dũng. Lúc đầu, chúng tôi được lệnh sung vào đội công-tác ở sau mặt trận. Được vài hôm, chúng tôi nghe thấy chuyện đánh nhau hăng-hái ở mặt trận, ngứa-ngáy quá, cố xin đi dự-chiến. Quan trên không cho. Sau nài xin mãi, mới được phép sung vào đội chiến-binh ở tiền-tuyến. Trong khi chúng tôi giữ bến Uẩn-tảo, hơn mười ngày, giết được quân giặc rất nhiều. Riêng tôi, nhờ được mình mẩy sức-vóc, nên dao vung đến đâu, là đâu giặc rơi đến đấy, cứ tính quân giặc chết về tay tôi, cũng đến non trăm kẻ. Thật là từ bé đến nay, chưa gặp được việc gì thống-khoái đến như thế. Duy có một điều đáng lấy làm buồn-rầu, là trong bầy anh em đồng học, đã chết mất ba rồi!" Trần lại nói thêm rằng: "Đương lúc chiến-trận, mình đứng trong đám mưa tên khói đạn, rất không nên thấy giặc mà khiếp sợ. Tôi lúc mới đến hàng đầu, trong bụng quả cũng có đôi phần rút-rát. Nhưng mỗi khi nghĩ đến thù nòi hổ nước, thì cái khí hăng-hái, tự-nhiên thấy tăng-tiến lên bội-phần. Lúc bây giờ coi chỗ chiến-trường cũng như cái sân-quần, chẳng thấy sờn lòng một chút nào nữa".

Trần lần này về Quảng-đông, quyết chí xin vào học trường Hàng-không, cố luyện-tập nên một tay phi-tướng xuất-sắc, để dự-bị sau này vì nước giết kẻ thù. Có chí thì nên, chắc rồi đây ta sẽ thấy Tiểu-hắc-Thán bay liệng trên từng mây, cùng người Nhật quyết một phen sống mái!

Đáng khen thay, cái chí-khí thiếu-niên! Đáng kính thay, cái tinh-thần thượng-võ! Nước Trung-hoa còn có những bực thiếu-niên ái-quốc như Trần-chấn-Hòa, thì người Nhật đã dễ mà nuốt sống được chăng?

Mai-khê thuật

---

không bắt các ông ấy để dành thì không bao giờ các ông ấy chịu nghĩ tới việc đó. Chúng tôi đã nghiệm ra nhiều ông lĩnh lương cầm chẳng nóng tay; một số lương không phải là nhỏ, mà mới ngoảnh đi ngoảnh lại đã tiêu-sài phung-phí hết nhẵn, chẳng còn một đồng một chữ nào, thành thử ra có khi chỉ vì không chịu lo xa một chút mà công việc của các ông ấy làm, kết quả không được mười phần mỹ-mãn.

(Sau này tôi mới hỏi rằng không chịu nài với Von Tappken cho kỳ được mà lấy cả lương bổng ra. Khi tôi bị bắt ở nước Anh, còn lại trong tòa Wilhelmstrasse một số tiền là 30. 000 marks, nhưng hòng gì thu được về tay!) *(Con nữa)*

Đặng-văn-Hinh *thuật*

Mời Phan-Khôi tiên-sinh sang Thượng-hải mà chấn-hưng lại cái thuyết « Chính-danh »

Cái gì có là có. Dù có sợ cái tiếng mà gọi chệch đi nữa, cũng không đổi được sự thực. Thế mà độ non một năm nay, người thế-giới hình như muốn «kiêng» cái «tên» *chiến-tranh*, nên mới đem chữ *cảnh-sát* để thế vào! Cái hủ-tục kiêng tên ấy, hình như lây sang người Nhật trước.

Từ ngày 18 tháng chín năm 1931, lục-quân, không quân và hải-quân Nhật hoành-hành ở Mãn-châu và địa phận Trung-hoa. Không, đấy có phải là chiến-tranh đâu! — Người Nhật không phải là chiến-sĩ mà chỉ là người lính cảnh-sát; người Trung-hoa không phải là địch-nhân, mà chỉ là bọn thổ-phỉ... Hết thảy các ông lục-quân tư-lệnh, hải-quân Đô-đốc Nhật đều biến ra những tay đại-biểu của trật-tự, những người bảo-hộ cuộc công-an ở Trung-hoa cả! Kể cũng thú-vị thật!

. . . . . .

. . . . . .

Trong các công việc bảo-hộ trật-tự, ông vận-dụng nào là đại-bác, nào là tàu bay, nào là tàu chiến; đấy cũng lại là việc cảnh-sát. Không, bây giờ không có sự chiến-tranh nữa, hai chữ chiến-tranh đã bị đề ra ngoài nhân-đạo ngoài pháp-luật rồi. Từ nay chỉ có những công-việc cảnh-sát thôi!

Xem, vậy ở đời nay, thay đổi cái tên gọi thật cũng quan-hệ lắm. Vì cái chữ chiến-tranh không hợp « mốt » nữa thì ta bỏ nó đi. Còn cái biểu-hiệu của sự chiến-tranh các công-việc hành-động của sự chiến-tranh, thì ta lấy tên khác mà thế vào.

Đã sáu tháng nay, hai bên quân-đội Trung-hoa và Nhật-bản bắn giết nhau ở Mãn-châu. Nhưng đó không phải là chiến-tranh. Giữa Thành-phố Thượng-hải, súng bắn tung đất, lửa cháy ngất giời, cũng không phải là chiến-tranh. Thần-công tạc-đạn chỏ vào Nam-kinh, cũng chửa phải là chiến-tranh!

Có người bảo vì người Nhật «kiêng tên» nên mới bị thất-bại, thế mới biết cái thuyết chính-danh — theo nghĩa mới của Phan-Khôi tiên-sinh — quan-hệ biết chừng nào?

Mai-khê



DƯỚI MIỆNG SÚNG THẦN-CÔNG

Hội-nghị Tài-Binh vẫn họp

Giữa lúc Tàu Nhật giết nhau dữ-dội trên bờ bể Đông, thì bên phía trời Tây, Hội-nghị Tài-bình khai-mạc! Tiếng súng đại-bác như đánh dấu chấm cho những lời hùng-biện của các nhà ngoại-giao!

Nhiều bạn đồng-nghiệp bên Pháp ngảnh trông tỉnh Genève tủm-tỉm cười: hai nước Nhật-bản, Trung-hoa cũng có chân trong Hội-đồng Vạn-quốc, nghĩa là đều vào cái hội «cấm đánh nhau» mà bây giờ đương giết nhau; khá tiếc cho Hội nghị Tài-bình sao chẳng để chậm ngày khai-mạc lại vài ba tháng nữa?...

Nhưng thôi được, cứ để các ông tự gánh trách nhiệm «quy-định số-mệnh thế-giới» chạm trán vào việc thực, để các ông thận-trọng hơn chút nữa.

Cứ kể hội Quốc-liên cũng đã hết sức điều-đình lắm đấy chứ, ngay từ lúc đầu-tiên, Hội đã muốn bắt Nhật-bản ngồi im không được cựa cạy ở dưới quyền-thế mình. Lúc ấy rất lễ-phép, anh Nhật cung-kính thưa:

—«Tôi chỉ bảo-hộ kiều-dân, tôi chỉ làm một việc rất tầm-thường nhỏ-mọn.»

Cách dàn-xếp của hội Quốc-liên vô hiệu! Đại-bác vẫn lăn, phi-cơ vẫn lượn, Nhật-bản vẫn làm theo chương-trình. Rồi Nhật chỏ ngọn cờ về thành «Muôn dặm», rồi Nhật đặt Phổ-nghi lên báng cây súng mới cắm trên đất Mãn-Mông, rồi Nhật lại kéo đại-đội binh-mã vào trấn Ngô-tùng,... súng nổ rậy giời, thây nằm chật đất! Hội Quốc-liên ngăn-cấm cũng chẳng được, máu người theo nước sông Hoàng-phố chảy rồn ra đại-dương! Âu-Mỹ chở tầu chiến và quân lính sang, sang để... điều-đình, nhưng hễ cất một lời nói to, sẽ thấy.....!

Lẽ tất-nhiên, người ta cũng hỏi tất cả các câu đáng hỏi, họ cũng hết sức trả lời các câu cần trả lời, nhưng trong lúc các nhà ngoại-giao của họ đương trổ tài biện-luận, thì các tướng tá của họ vẫn điềm-nhiên trổ tài dùng quân.

Có người nói: Hội Quốc-liên họp mãi gần mỏm châu Âu, mà cuộc xung-đột ở mãi sát đầu châu Á, thế-giới, mà nhất là các nước Âu-châu đã lo-ngại gì?

Tôi tưởng: nội các câu nguỵ-biện, không còn có câu nào quấy hơn câu ấy nữa!

Ví dụ như nay mai đây, kẻ sinh-sự không phải Nhật mà là nước Đức, chỗ đánh nhau không phải Mãn-châu mà là đất Pháp hay đất Ba-lan, hội Quốc-liên bấy giờ sẽ sử trí ra sao? Trộm tưởng cũng không còn xử-trí cách nào hơn được nữa!

Đành rằng hội Quốc-liên là một tòa án của Vạn-quốc, lập lên để xử cho các nước xung-đột nhau xem nước nào phải, nước nào trái, nhưng tòa án ấy chẳng có xen-đầm, chẳng có đội-xếp, lẽ tất-nhiên chẳng thi-hành được bản án của mình.

Chẳng tuần-lễ nào không thấy ông Edouard Herriot tỏ lời than-thở trong tờ Démocrate, nhà chính trị kêu lên: «Vấn-đề hòa-bình của nhân-loại lại thành một trò chơi!» Than ôi! thật còn câu nói nào đúng hơn nữa. Ông muốn cho người ta nghe những lời khuyên «quả-quyết» và «khôn-ngoan», ví dụ: «chớ để cho nước nào phạm vào các hiệp-ước»! Sác-lý lắm! Ai là chẳng muốn cấm anh Đức không được sé các bản hiệp-ước! Nhưng nếu Đức cứ sé thì hội Quốc-liên sẽ đối phó bằng cách nào?

Đối-phó bằng cách nào, ông Herriot chẳng nói, mà các nhà mưu hòa-bình cho thế-giới cũng chẳng nói.

Ông Herriot cũng đã thừa biết: «Nước Đức bề ngoài giả vờ nhẫn-nhục ký hết các giấy má, nhưng Đức vẫn có chương-trình riêng, chương-trình ấy đãthấy lần lượt phô ra từng khoản một».

Lời bàn thật sác-lý mà cái «đối-phó bằng cách nào» vẫn không thấy nói. Ông đành lòng hô-hào «các người tự do, các dân-tộc tự-do nên cố giữ cho các hiệp-ước khỏi bị xâm phạm». Ông có ý công-kích «cách dùng võ-lực, dùng binh quyền, cải cách cũ rích liên-hiệp đồng-minh». Ý-kiến vẫn tuyệt hay nhưng cái phương-pháp mới để thay cho phương-pháp cũ rích kia vẫn không thấy bàn đến. Chỗ khổ-tâm là ở đấy! Phương-pháp của Hội-trưởng Wilson vừa đem thử đã đổ ụp rồi, các nhà ngoại-giao đến Genève tưởng chừng ngồi trên đống gạch-ngói vụn.

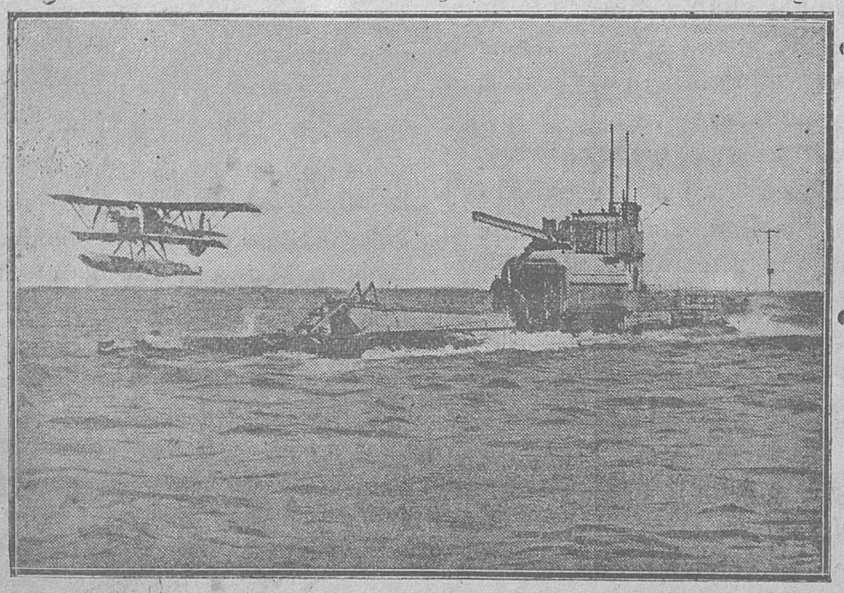

Chiếc tầu ngầm Anh M-2 trong có xưởng chứa máy bay. Trong 6 phút, một chiếc máy bay đương thu hình trong đó đã dương cánh chuyền máy, vụt ra ngoài không-trung mà bay đi. (Cl. Annam Nouveau)

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin chính-trị

Quảng-trị. — Hoàng-hữu-Chấp, con M. Hoàng-hữu-Huy trốn được 2 tháng nay vừa bị bắt ở làng Quảng lượng.

Bảy người con trai bà Hàn-Hiêng đàn-bà góa ở làng Thanh-quả, huyện Thanh-chương đều can về việc hội-kín, bốn người là Phan-Hai, Phan-đoản-Liên, Phan-Tám, Phan-Chín đã bị bắt, còn 3 người là: Phan-Năm, Phan-Sáu, Phan-Bảy hiện còn trốn.

Nghệ-an. — Cậu Đặng-thái-Thu, con ông tú Đặng-thúc-Hứa, ở tổng Bích-hòa (Thanh-chương) can việc hội kín bị kết án 3 năm tù.

Tin vắn

Saigon. — Cuộc chợ-phiên giúp người thất-nghiệp mở tại phủ Toàn quyền tối thứ bảy trước kết quả mỹ-mãn lắm.

Hanoi. — 6 giờ rưỡi sáng hôm 21 Mars, chuyến xe lửa tốc-hành đã đưa 5 tay tuyển-thủ của làng quần vợt Nam-kỳ là Chim, Giao, Nữa, Thường, Ngươn và hai ông bầu Triệu-v-Yên và Baille đến Bắc-Thành.

Cuộc tranh cúp Pasquier sẽ vào ba ngày 26, 27, 28 Mars.

Phương Đông họ xung đột bằng súng thần-công, Phương Tây họ xung-đột bằng thuế thương chính, rút lại khắp thế-giới cuộc xung-đột vẫn lung-tung.

Ông Louis Latzarus thở dài: «Thôi, muốn giữ cố lấy cuộc hòa-bình, chúng ta đành hãy cứ theo cái phương-pháp Đồng-minh cũ rích vậy.»

Đinh Huỳ-Hạo

Mật thám giả.

Saigon. — Đương hồi đục nước, tôm-tép đương run!. . . . Miền Lục-tỉnh thường cứ bị gian-nhân đến giả làm mật-thám đòi vào khám nhà rồi thừa cơ bóc lột.

Ông hội đồng quản hạt Trương-vĩnh-Duỳ đem vấn-đề mật-thám ra giữa nghị-viện chất vấn. Lời yêu-cầu đã được quan Chưởng-lý chuẩn y. Từ nay, linh mật-thám không được đi khám nhà người ta một mình, phải có hương-quản hoặc hương-chức đi cùng và các tội-nhân bị bắt phải giải ngay đến trình quan Biện-lý.

ĐỨC

Hitler tuyên-bố

Kết-quả cuộc tuyển-cử mới rồi đã tỏ rằng ông Hindenburg có cơ được tái-cử, chắc ai cũng phải đặt câu hỏi: «Hitler sẽ toan liệu thế nào đây?»

Câu trả lời ta đã thấy sẵn rồi, ông Hitler đã tuyên-bố ở Munich:

«Dẫu rằng các đảng phía kia hiệp lại để chống với chúng ta, nhưng bước đầu này đã cho ta biết trong 18 tháng, người đồng-chí của ta đã tăng lên đến hai phần. Chúng ta là đảng đông nhất, mạnh nhất ở Hạ-nghị-viện, sức mạnh ấy sau này phải nhờ võ-lực mà sáng rỡ ra.

Thời kỳ thứ nhất trong cuộc tuyển-cử xong rồi, thời kỳ thứ hai sẽ bắt đầu từ 14 Mars. Tôi sẽ tự mình ra dẫn-lộ, nếu phải dùng đến võ-lực thì dùng. Trước hết, ta cần phải chiến thắng đã!»

Mới đây, trong kỳ hội-đồng đảng «mũ-sắt», ông Cảnh-sát-trưởng kinh thành Bá-linh tuyên-ngôn rằng những giấy má bắt được khi khám nhà đảng Quốc-gia xã-hội tỏ rõ rành-rành rằng Hitler dự-định vây chặt các tỉnh lớn và nhất là kinh-đô.

Tổng-cục các hội Ái-quốc quyết trợ-lực Hitler trong kỳ bầu cử lại.

ẤN-ĐỘ

Việc chính-trị và việc trị-an

Sở cảnh-sát hết sức trừ các hội kín, tức là gốc cuộc đề-kháng, đã bắt hàng 20 người và mấy người đứng đầu ban trí-nguyện. Chính-phủ định trong 4 tuần lễ trừ tiệt cái phong-trào hành-động của ông Gandhi! 4 tuần lễ đã hết rồi, kết-quả vẫn chẳng được tí gì sốt. Thực như lời đoán, hiện nay, tuy Quốc-gia hội-nghị đã bị đóng cửa, tuy các yếu-nhân đã bị bắt giam, mà đảng phái ông Gandhi vẫn hành-động dữ, họ hành-động rất êm-ái, rất thứ tự chứ không nhộn-nhạo ồn-ào như hôm xưa. Phong-trào lộn-xộn lại thêm một kế-hoạch mới là thợ đình công khắp loạt cả: Hàng nghìn thợ Bombay bỏ việc trước, thợ thuyền các bến khác và ở các tỉnh trong Ấn-độ bắt trước theo, cả từ các người làm xe lửa cũng đi nốt. Cuộc điều-đình của quan Thống-đốc với các nhà buôn không xong. Phó-vương đã phái người đi Bombay khảo-sát để tìm phương-pháp thi-hành cho việc thương-mại của người Anh được hồi-phục như cũ.

Hiện nay, chính-phủ đóng trọng binh ở miền cương giới, vì ở đó có người cộng-sản giúp sức, phong-trào Quốc-gia càng nghiêm-trọng vô-cùng.

Tù-trưởng Hadji-Hadji người A-phú-hãn tụ tập các bộ-lạc không phục tùng Anh dọa sẽ kéo thẳng vào Ấn-độ. Đáp lời dọa ấy, chính-phủ phái tầu bay liệng bom và bắn súng cối xay xuống, giết chết chín người.

Việc lập hiến-pháp vị tất đã thành vì Ấn-độ giáo và Hồi-hồi giáo phân tranh kịch-liệt: Dân Hồi họp hội-đồng ở Delhi đầu phiếu chuẩn-y bản quyết-nghị dọa sẽ không đến dự hội-nghị «Bàn-tròn» nếu chính-phủ không nhận lời xin bảo-đảm việc bầu phiếu riêng. . . . . .



Trung Nhật xung đột

Các đại-sứ Mỹ, Anh, Pháp, Ý vẫn hết sức điều-đình. Đôi bên Trung Nhật đã tạm thỏa-thuận, việc thảo-luận kết-quả tạm có 3 điều:

1.— Quân Tàu đóng nguyên chỗ cũ; 2. — Quân Nhật rút theo như chương-trình sẽ định sau; 3.— Một ủy-ban ngoại-quốc sẽ trông coi việc thực-hành hai điều ấy.

Nhưng khoản thứ hai còn lờ-mờ, Tàu còn sợ Nhật sẽ chặn mất cửa sông Tiền-đường và Thượng-hải.

Tình-hình tuy đã khá lắm, nhưng việc đình-chiến vị tất đã thành. Vì có Ủy-ban Vạn-quốc đến nơi nên Nhật lục-tục cho rút chiến-thuyền về, nhưng nghe đâu Bạch-Xuyên còn ngầm xin thêm quân nữa.

Giúp vào binh-phí, Nhật đã mở cuộc công-thải 87.500.000 hoa-viên.

Bên Trung-hoa, Tưởng-giới-Thạch đã đánh điện khắp nước tuyên-bố nhận chức Tổng-tư-lệnh quân-đội. Hôm mới rồi, Tưởng có xuống Côn-sơn đốc-quân. Lòng quân dân Tàu xem ra còn háo-chiến lắm:

Hoa-kiều ở Phi-châu gửi về nước 2250 tấn lương, Hoa-kiều ở Hanoi cộng sổ lạc-quyên lần thứ nhất được 37000$. Ở Bắc-bình, dân Tàu đương góp tiền lập bia Anh-hồn kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ đoàn 19 ở vườn Trung-sơn. 10 sư đoàn ở Tứ-xuyên đánh điện xin đi giúp Thượng-hải. 300 người bị thương ở bệnh-viện ra lại xin ra trận tiền:

— Chúng tôi cùng quân giặc quyết không đội giời chung! Người ta ai chẳng chết, chúng tôi há nên để lỡ một dịp để chết vì nước, chết một cách vẻ-vang . . . . . .

Nghe tin viện-binh kéo đến, đội-quân 19 càng thêm hăng-hái.

Ngày 9 Mars, thủy-quân Nhật kéo lên Lưu-hà, để sảy ra một cuộc xung-đột khá dữ. Một toán 23 linh kỵ-mã Nhật bị bắt ở cầu Lục-độ. Một toán quân nữa bị bắt ở phía đông An-đinh.

Theo tin 21 mars, Nhật còn lượn máy bay trên Hàng-châu, ném bom xuống. Mấy người dân bị trọng thương.

Đối với chính-phủ Mãn-Mông, chính-phủ Nam-kinh đã tuyên bố sẽ đem quân đi trừng-trị. Ngày 12 Mars, Ngô-Bội-Phu thông điện đi toàn-quốc xin cầm quân đi đánh Phổ-Nghi.

Nhật nói: «Nếu Chính-phủ Tàu lấy danh-nghĩa đánh đất Mãn, Nhật sẽ coi là cuộc nội-loạn lây đến đất Mãn mà dùng võ-lực bảo-hộ cuộc trị-an.

Từ hôm 8 Mars, quân Cát-Lâm và Nghĩa-dũng Liêu-Ninh do Đinh-Siêu chỉ-huy vẫn cố đánh Thẩm-dương nhưng vì thế yếu không sao tiến được.

Hôm 8 Mars, Bản-Trang ở trường bay Thẩm-dương về, giữa đường bị 30 kỵ-binh Tàu vây bắn suýt nguy, sau nhờ có viện-binh cứu thoát. Bản-Trang biết thế-quân Cát-Lâm còn to lắm, đã gửi điệp về Nhật xin thêm hai sư-đoàn và hẹn trong một tháng sẽ thu hết khí-giới của dân-gian.

Mới đây, Mã-chiếm-Sơn được lệnh thu khí-giới của đội-quân Hắc-long-giang, bị tướng-sĩ cũ quay đầu súng lại. Quân tỉnh Hắc kéo theo Phạm-sùng-Cốc, đoàn phản Mã cứu-quốc thanh thế rất to. Bao nhiêu linh Nhật ở Hắc-hà bị giết rất thảm, chỉ có người nào trốn sang Nga là thoát.

CA-DAO MỚI

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương.

Một câu ca dao người nước ta mới được nghe đây. Vì ở số 10 phố Hàng Quạt Hanoi mới có hiệu Dư-Mỹ cho thuê xe ngựa, ô-tô, đòn đám ma cùng các nghi-trượng về việc tang rất lịch-sự, giá phải chăng, công việc làm giúp nhà đám từ lúc khâm-liệm, nhập quan, xin phép, xin đất, cho đến lúc hạ huyệt, lại có bán các kiểu vòng hoa hạ giá 50%. cho khách thuê xe hiệu ấy. Ngài nào có việc chẳng may, thì chỉ nên dùng xe đòn của hiệu ấy, mới biết câu tục-ngữ trên kia là thật không ngoa.

X.

TRẢ LỜI CÂU HỎI:
Nếu tôi có phép tàng hình...

(xem số báo 31)

— Chà, tôi làm cái việc này, thực họ ghét tôi như xúc đất đổ đi. Tôi lần vào các chùa, tỷ-dụ như chùa Đồng-lợi, «sửa» cho bọn cậu, mợ hay đi lễ chùa ấy một mẻ đau hơn hoạn. Tôi «xoáy» tuốt mo cả quần áo của cô, cậu treo trên mắc, hay để trên ghế kê cạnh giường Hồng-công. Tôi chẳng sinh-nhai về nghề chú Chích, nên không đem quần áo nọ về nhà tôi, mà đưa thẳng đến đặt trước mặt ông bà thân-sinh ra cái «mợ quạ mồ» nào đó. Khi ở săm — à quên ở chùa.— về dẫu gươm kề cổ, mợ cũng khai là bị kẻ gian lột. Vì không, thời ông bà cũng hơi tin, nhưng nay thì chẳng dối nổi, vì sờ sờ bộ quần áo tây vai long-đình của cậu kia.

Có sợ Nam-cầu chưa, các mợ? Nhưng Nam-cầu ở xa Hà-thành những ngoài trăm cây số, các mợ có muốn trả thù như năm nào, vác «bỉu bối» định đến làm xấu ông chủ báo kia, cũng chẳng được.

Nam-cầu

Nếu tôi có phép tàng-hình: Tôi sẽ đem bộ máy chớp bóng thu thanh vào mấy tiệm thuốc phiện quay cảnh «sè sè» của những nhà văn sĩ nào hằng ngày thường đăng báo thống mạ thuốc phiện và những kẻ hút thuốc phiện không tiếc nhời (à không tiếc văn!) mà ở chỗ kín đáo thời các ngài lại sở trường thuốc phiện hơn ai hết!

Phim ảnh ấy tôi sẽ đặt tên là: «Nên làm như ta nói, chẳng nên làm như ta làm» (Fais comme je dis et non comme je fais).

Thằng nghiện

— Sáng sớm mồng một tết, tôi lấy hết tiền «chơi xuân» của nhà giầu, đem để vào ban thờ các nhà nghèo mà tối 30 tết đi van lạy chủ chứa vay được tiền.

Tùng nương (Hàng trống)

VĂN-ĐÀN

Thi-đàn giảng-tập

Từ khi mục «*Thi-đàn giảng-tập*» mở ra trong Tạp-chí An-nam, trước nhất ở *Bờ-hồ*, thứ hai ở *Nam-định*, thứ ba đến nay ở *Hàng-Khoai*, nguyên chỉ có những bài của các bạn độc-giả gửi lại mà phần tôi ở trong là người giảng. Như thế thật buồn!. Giản-hoặc cũng có một đôi Ngài giảng về những thơ ca của tôi đã in ra, ở xa gửi về cho; song tôi lấy bình-tĩnh xét xem, thời sự giảng không được sác-đáng; nếu đăng lên Tạp-chí thời lại phải biện-bạch nhiều lời, như thế thành ra lôi-thôi mà có khi làm phiền-phí thì-giờ của chư vị Độc-giả. Vì nghĩ vậy mà tôi không đem đăng ; chớ không phải có dám thiên-tư chấp-nệ gì. Tức như một câu thơ:« *Sen còn yêu tiếc bóng gương chong*». Thực cũng đã lôi-thôi mất nhiều lời mà làm bận thì-giờ của các vị độc-giả. Chỗ đó xin Chư-tôn thể-lượng cho.

Một mối hoài-vọng về sự vãng-lai trong Thi-đàn, khiêm-hà nước thu, ngày đêm khóe mắt ! Không ngờ đến nay đột-nhiên trong các văn lai-cảo, biểu hiện ra một món quà rất thanh quí cho kẻ vẫn chờ mong.

Thời la lời giảng thơ của ông *Phạm-văn-Nghị, Giáo-học Trà-cổ ở Mũi-ngọc*, giảng về một câu *thơ dịch* của tôi đã in ra lâu năm ở trong quyển *Quốc-sử huấn-mông* vậy.

Cứ tôi xem như lời giảng của ông Nghị, rất là có công-phu, có giá-trị, không những đối với phần riêng tôi, ông đã chỉ-giáo cho được biết chỗ kém đó; mà thực như ông đã đốt lên một mồi đuốc sáng ở trong giữa làng thơ. Vậy xin theo thể-cách đặc-biệt, đăng lên đầu mục Văn-đàn đây, một là để các bạn trong làng thơ ta cùng trông ngay; hai là để tỏ tấm lòng riêng kính-phục và cảm-tạ ơn ông vậy.

Sau đây, những Ngài nào quá yêu đến tôi, mong không tiếc vàng ngọc. Xin có lời cảm ơn trước.

Tản-Đà **Nguyễn-khắc-Hiếu**

* * *

Thơ «cảm-hoài» của Đặng-Dong

Thế sự du du nại lão hà?
Vô cùng thiên địa nhập hàm-ca.
Thời lai đồ, điếu thành công dị ;
Sự khứ anh-hùng ẩm hận đa!
Trí chủ hữu hoài phù địa-trục,
Tẩy binh vô lộ vẫn thiên-hà.
Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch ;
Kỷ độ long-tuyền đới nguyệt ma.

Dịch

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Ai đã chơi văn dịch, tất từng biết cái khổ trong khi dịch thơ! Dịch làm sao cho sát được nghĩa cả mọi chữ trong một câu, vần sao cho chắc chắn, lời sao cho trơn-tru, lại lột sao cho được cái tinh-thần của nguyên-văn? Khó quá! thật khó quá!

Vì thế mà được nghĩa thì hỏng ý, được ý thì hỏng lời, được lời thì hỏng vần. Cho nên nếu cứ nệ về nghĩa từng chữ, chỉ cốt dịch cho sát nghĩa thì có khi sai cả ý nguyên-văn. Bởi vậy, trong khi dịch, có lúc thêm ra một đôi chữ, có lúc bớt đi một đôi chữ. Mà những chữ thêm bớt đó giúp cho được rõ ý-tứ của nguyên-văn. Có khi nhờ những chữ thêm bớt ấy mà câu dịch hay hơn câu nguyên-văn. Như mấy câu trong bài « Tỳ bà hành » rằng :

«Kim niên hoan tiếu, phục minh niên,
«Thu nguyệt xuân hoa đẳng nhàn độ
«Đệ tầu tòng quân, át di tử,
«Mộ khứ chiêu lai, nhan sắc cố.»

Dịch rằng:

«*Năm năm lần-lữa vui cười,*
«*Mảng giăng hoa chẳng đoái hoài xuân thu.*
«*Buồn em trẩy, lại lo di thác,*
«*Lần hôm mai, đổi khác hình dung*».

Dịch như vậy thì hay biết là dường nào! Nghĩa sát, ý đủ mà lời lại êm-ái thanh-tao! Câu thứ ba đây, bên dịch-văn thêm ra được hai chữ

Nhà máy gạo Đinh-Bưởi
68 phố hàng Khoai Hanoi,
gạo tốt, giá rẻ,
hạng nào cũng có,
mua bao nhiêu cũng sẵn

«buồn» và «lo» mà bên nguyên-văn không có. Nhờ hai chữ đó mà câu văn dịch hay hơn nguyên-văn. Vì có hai chữ ấy thì câu văn mới thừa được ý đoạn trên mà chuyển xuống đoạn dưới vậy.

Lại như câu:

«Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
«Do bão tỳ-bà bán già diện».

mà dịch rằng:

«Mới mọc mãi thấy người bỡ-ngỡ.
«Hãy ôm đàn che nửa mặt hoa».

thì hay biết bao nhiêu. Đọc câu chữ Hán: «do bão tỳ-bà bán già diện». còn ôm tỳ-bà che nửa mặt, thì không biet là đàn-ông hay đàn-bà. Câu dịch thêm ra một chữ «*hoa*»; «*hãy ôm đàn che nửa mặt hoa*» thì ta đọc đến biết ngay là đàn-bà. Có phải hay hơn nguyên-văn không?

Nhưng cũng có khi bớt đi một chữ mà vẫn hay, vì chữ đó không phải là chữ cốt-yếu trong câu. Tức như câu thứ hai trong bài «cảm hoài» trên kia, nguyên-văn rằng:

«vô cùng thiên địa nhập hàm ca», mà dịch rằng:

Đất rộng giời cao chén ngậm-ngùi!

Bỏ hẳn chữ «*nhập*» đi, mà câu dịch vẫn hay, không vấp gợn gì cả. Bốn chữ «đất rộng giời cao» rất hay, mà ba chữ «chén ngậm-ngùi» lại tuyệt-diệu! Nếu cứ phải đúng từng chữ, nhập là vào, thi gò-gẫm làm sao được?

Song, nếu là chữ cốt-yếu trong câu mà cũng bỏ đi thì câu văn kém hay ngay. Như câu thứ tám trong bài thơ trên này:

«Kỷ độ long toàn đới nguyệt ma».

Nghĩa là: đã bao phen thanh gươm long-toàn đội bóng giăng mà mài. Thanh gươm kia bao nhiêu lần mài liếc, sắc đến thế này, mà nay trở nên vô dụng, thì đáng tiếc biết là dường nào! Một chữ «ma» là mài trong nguyên-văn đó, xem thấy bao nhiêu công-phu, mà cũng hàm cái ý than tiếc vô cùng, lại hầy còn có vẻ hăng-hái nữa. Vậy thời chữ «*ma*» đó là chữ *cốt-yếu* trong câu ấy, là cái «*thần*» của câu ấy, không thể bỏ được,

Nay đọc câu dịch trên kia:

«*Long-toàn mấy độ bóng giăng soi*» thì nghĩa là: *thanh gươm long toàn đề bóng giăng soi đã mấy lần.* Như thế có phải là không được hay bằng nguyên-văn không? Mà sở-dĩ kém hay như thế, chỉ tại là bỏ mất nghĩa chữ «*ma*» đó thôi!

Cứ ý tôi thì câu ấy nên đổi lại là:

Dưới giăng bao độ tuốt gươm mài!

Có lẽ như thế mới được?

Trực-viên **Phạm-văn-Nghị**

Thuật hoài

THƠ

Ba sáu năm giời gửi gió Đông,
Bước đời ngảnh lại rỗng không không!
Phấn son bẽ lúc hè bồi nhọ,
Giăng gió e cơn gái lộn chồng.
Ví bằng niên-hoa hoài tuế nguyệt,
Càng thêm thân-thế thẹn non sông.
Bốn bề lạnh ngắt hơi sương phủ,
Riêng lửa lòng ai rập lại nồng.

Mai-khê

* * *

Giả lời ai ngày xuân tương-tư

(Họa nguyên-vận)

Rút ruột con tằm một sợi tơ,
Vương tình, vương cả cái ưu-tư.
Đất sương mờ-mịt khi say mộng,
Giời nhạn bàng-khuâng lúcđược thư.
Khuất-khúcsông Thao lòng cách-biệt,
Vơi đầy bến Nhị nỗi sau, xưa.
Nào người trong cuộc sầu xuân hỡi,
Đã thấy thơ này chết ruột chưa?

Thượng-uyển (Yên-Bái)

* * *

Túp lều tranh

Lầu son gác tía cũng coi thừa,
Bất quá dung đùi lúc nắng mưa.
Ngọn gió chui luồn khe vách thủng;
Bóng giăng nhòm-nhõi mái nhà thưa
Phên lau buộc túm khi hôm tối,
Sập trúc xoay trần giấc ngủ trưa.
Toan tính cuộc đời ba chén rượu,
Kém gì Gia-Cát buổi hôm xưa.

Tây-viên Nguyễn-duy-Tường

Câu đối

Viếng bạn rượu

Bác đã về thôi, đời đáng chán!
Tôi còn sống mãi, rượu cùng ai!

Tản-Đà

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Dịch bài phú của Giả-Nghị viếng ông Khuất-Nguyên

Khách Trường-sa vâng ơn những sợ,
Nghe Khuất-Nguyên thác ở Mịch-la,
Ròng châu theo lạch Tương sa,
Một nhời trân-trọng gọi là viếng thăm.
Gặp phải buổi ho gièm pha riết,
Để Tiên-sinh một chết nên liều.
Thương thay! thời buổi reo-neo,
Phượng-hoàng nấp náu, chi-hào xênh-xang.
Phường ngu, nịnh vẻ-vang đài-các;
Bậc hiền, ngay lưu-lạc giang hồ.
Tùy, Ry thì bảo rằng «ô»,
Những đồ Chích, Cược lại phò rằng «liêm;
Gươm mạc-da những hiềm gươm nhụt.
Dao chi hia, khen tốt sắc thay.
Nỗi-niềm im-ỉm ai hay,
Sinh chi tai mắt đời này luống thương!
Đỉnh báu nọ, phụ-phàng bỏ xó,
Chõ sành kia, qui-hóa vô cùng.
Trâu gầy thắng bộ xe song,
Mà xe tải muối, ngựa chùng hai tai.
Mũ chương-phủ lót hoài dưới giép,
Có nhẽ nào bắt ép được lâu.
Nhà thầy như thế mới đau,
Một mình chịu những âu-sầu thế thôi.
Thôi thì thôi, thôi thôi đành vậy,
Ai biết mình nói mấy ai hay.
Phượng-hoàng phơi phới cao bay,
Đem thân mà tếch xa vời cho xong.
Ngoài chín vực thần-long vùng-vẫy,
Náu đầm sâu giữ lấy giá ta
Đã kiềng nhái, nhệch cho xa,
Theo đâu tôm, tép cùng là đỉa-đui.
Đức hiền-thánh ở đời vẫn quí,
Cốt xa vòng trọc-lụy làm cao.
Kỳ-lân vì xích được vào,
Giống thiêng thôi có khác nào chó, dê.
Nỗi rắc-rối ê-chề như thế,
Cũng tại Thầy, sá kể chi ai,
Tìm vua trải chín phương giời.
Lọ là lưu-luyến nơi này mãi ư?
Tửng mày thẩm nhởn-nhơ cánh phượng,
Đâu yên lành ta liệng xuống chơi,
Thấy đâu ra ráng khắt-khơi,
Thì ta bay tít lên giời mà đi.
Kìa vũng rãnh chi chi đó tá,
Dung nỗi sao được cá nuốt thuyền?
Chiên kình riễu chốn loen-khoen,
Thảo nào sàu, kiến nó kiềm-chế ta.

Nam-đán



Tập-Kiều

Bản-chí có tiếp những câu văn *Tập - Kiều* của ông *Hương - Trì* nối và có sửa về bài văn *Tập-Kiều* đăng ở số 32 trước đây, vậy xin cứ nguyên-văn đăng như sau, để các bạn trong làng thơ cùng hay.

An-Nam Tạp-Chí

*
* *

« . . . .
« Ba sinh âu hẳn. . . .
Của tin gọi một chút này,
Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.
Nước non đề chữ tương-phùng,
Trăm năm đề một tấm lòng từ đây.
Tình sâu mong giả nghĩa dầy,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai.
Còn về, còn nhớ đến người.
« Mà lòng trong nghĩa. . . .
« Cười rằng tri-kỷ. . . .
« Mười phần ta đã. . . .
Chút lòng ân ái ai ai,
« No chàng kim đó ». .
Nhớ lời nói những bao giờ,
Phải người giăng gió vật-vờ hay sao ?
Mừng mừng tủi tủi xiết bao,
Càng âu duyên mới, càng rào tình xưa.
Có điều chi nữa mà ngờ !

Hương-trì

HÁT NÓI

Chơi hang Đầu-gỗ Hongay

Mường :

Hẹn-hò non nước bấy nay,
Bồng-lai hải-đảo chốn này phải không ?
Non trùng-điệp, nước mênh-mông,
Nước non đề chữ tương-phùng từ đây.

Nói :

Đăng san du thủy,
Thủy cùng san ngắm kỹ lại càng xinh.
Một con thuyền len-lỏi thấy loanh-quanh,
Quanh bốn phía, non xanh cùng nước bạc.
Non ngất mây xanh cây lác-đác ;
Nước rồn sóng bạc gió đìu-hiu.
Túi đầy vơi, thơ túi, rượu lưng bầu,
Mấy tri-kỷ, cùng nhau nơi lạc-thú.
Nước non ướm hỏi ai là chủ,
Hiện ngư nhàn, tiện ngư nhàn nhán nhủ một vài câu.
Nước chong, non chờ bạc đầu.

Nguyễn-duy-Tường



DỊCH THƠ PHÁP

Viếng Albert Samain

Mallarmé thuộc phái Ký-hiệu-học (symbolisme), ưa dùng lối văn tỷ dụ, nên nhiều chỗ mờ nghĩa khó hiểu. Bài dịch vun dày chỉ cốt giữ đúng nghĩa nguyên văn, để giới thiệu cùng bạn Nho-học một lối Pháp-văn cận thời.

A Albert Samain

p. Stéphane Mallarmé

Mon cher Samain, c'est à toi que j'écris encore.
C'est la première fois que j'envoie à la mort.
Ces lignes que t'apportera, demain, au ciel,
Quelque vieux serviteur d'un hameau éternel
Souris-moi pour que je ne pleure pas. Dis-moi :
« Je ne suis pas si malade que tu le crois. »
Ouvre ma porte encore, ami. Passe mon seuil,
Et dis moi en entrant : « Pourquoi es-tu en deuil ? »

Viens encore, c'est Orthez où tu es. Bonheur est là.
Pose donc ton chapeau sur la chaise qui est là.
Tu as soif ? Voici de l'eau de puits bleue et du vin.
Ma mère va descendre et te dire : « Samain... »
et ma chienne appuyer son museau sur ta main.
Je parle. Tu souris d'un sérieux sourire
Le temps n'existe pas. Et tu me laisses dire
Le soir vient. Nous marchons dans la lumière jaune
Qui fait les fins du jour ressembler à l'automne.
Et nous longeons le gave. Une colombe rauque
Gémit tout doucement dans un peuplier glauque.
Je bavarde. Tu souris encore. Bonheur se tait.
Voici la route obscure au déclin de l'Eté,
Voici que nous rentrons sur les pauvres pavés,
Voici l'ombre à genoux près des belles de nuit
Qui ornent les seuils noirs où la fumée bleuit.

Ta mort ne change rien. L'ombre que tu aimais,
où tu vivais, où tu souffrais, où tu chantais,
C'est nous qui la quittons et c'est toi qui la gardes.
Ta lumière naquit de cette obscurité
qui nous poussent à genoux par ces beaux soir d'Eté
où flairant Dieu qui passe et fait vivre les blés,
Sous les liserons noirs aboient les chiens de garde.

Je ne regrette pas ta mort. D'autres mettront
le laurier qui convient aux rides de ton front.
Moi, j'aurais peur de te blesser, te connaissant.
Il ne faut pas cacher aux enfants de seize ans
qui suivront ton cercueil en pleurant sur ta lyre,
la gloire de ceux qui meurent le front libre,

Anh Samain

Em cứ biên thư gửi thăm anh,
Tuy nay anh chỉ còn tinh linh.
Mấy dòng thô-thiển đệ lên trời,
Nhờ người lão bộc đưa tới nơi.
Cười đi ! cho em ráo nước mắt,
Cho em biết anh vô bệnh tật.
Mở cửa, xin mời anh vào chơi,
Rồi hỏi em rằng : « để trở ai ? »

Anh đến, đem theo cả hạnh phúc.
Đặt mũ trên ghế như ngày trước.
Anh khát ? Này nước, này rượu vang.
Mẹ em sắp xuống gọi : « Samain ».
Con chó ngửi tay chạy mừng quýnh.
Em nói. Anh cười, cười nghiêm chỉnh.
Chẳng kể thời gian. Anh cứ nghe.
Đôi ta đi dưới bóng chiều hè,
Chiều tà như thu, ánh vàng úa.
Bên sông chim cưu kêu ủ rũ.
Trên cây bạch dương lá xanh đen.
Em nói. Anh cười. Hạnh-phúc im.
Này con đường tối cuối mùa hè
Trên đường, gạch đá lát gồ ghề.
Trước mặt tiên nga mộ-cảnh quỵ,
Làn khói càng tàng cảnh diễm lệ.

Chết đối với anh rất êm đềm,
Vì anh vẫn mến cảnh ban đêm
Anh vui anh khổ trong đêm tối
Thì nay anh chết có chi đổi.
Trong tối anh tung ánh hào-quang,
Khiến cho bọn em phải la bái :
Chiều hè trời xuống làm tốt lúa,
Đàn chó đánh hơi đua nhau sủa.

Anh chết, nào em dám tiếc thương,
Ca tụng tài anh lại thói thường,
Làm mếch lòng anh, em vẫn sợ.
Nhưng không nên giấu đàn con trẻ
Cái chết của những bậc tài-danh.
Để chúng đưa đám khóc tài anh,
Anh chết lòng em chẳng khổ thống :
Gió kia còn thổi anh còn sống.
Năm năm làn gió lại thoảng ngoài,

NGU' NHAN

Kẻ giữ mục Văn-đàn trong tạp-chí An-nam, *Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu*, xin có lời thưa cùng các Ngài rằng:

Nhân vì thì-giờ trong Báo-quán thực là eo-hẹp bách-thúc, mà các thư gửi về số nhiều. Có nhiều bức thư cùng hỏi về trong một câu chuyện, cũng lại có nhiều thư nói chuyện một việc riêng. Nếu nhất nhất giả lời riêng các Ngài, muốn cho được cẩn-trọng đậm-đà thời sự-thể thực khó, viết dản-lược quá, thời e lại có phụ tinh lai-thư. Vậy xin theo một cách tiện-nghi, mở thêm mục « **Ngư Nhàn** » đây, phàm các thư hỏi, nói về câu chuyện văn bài và công việc của Bản-chí, xin nhất nhất do mục này phúc đáp. Thuộc về câu chuyện chung, thời đăng lên trước; về câu chuyện riêng thời đăng ở phần sau. Thực là một cách hả-tiện thì-giờ, mong được chôi-chạy công-việc; xin các Ngài rộng thứ cho cái lỗi cẩu-thả. Chúng tôi được cám ơn.

Về phần chúng tôi có câu chuyện gì muốn thưa cùng Chư-tôn, cũng xin do mục này đạt ý.

Lại riêng phần tôi *(Nguyễn-khắc-Hiếu)* có tiếp những âm-thư gửi đến nói về cậu chuyện riêng, hoặc như người mua sách, hoặc người nhờ làm văn, xin cũng nhờ mục đây giả lời, in riêng ở phần sau rốt; như thế, nghĩ có chỗ không phải với các vị Độc-giả của *An-nam tạp-chí*, song cũng xin các Ngài rộng lượng bỏ quả, coi như một sự quảng-cáo việc riêng.

Nay có lời thưa trước để các Ngài rõ, từ kỳ tạp-chí sau giở đi, phàm có câu chuyện gì, sẽ xin tường.

Kẻ giữ mục Văn-đàn kính trình.

☆☆☆

Một vị Độc-giả ở Phú-ngãi (Bến-tre) có viết thơ ra cho hay rằng trong số báo mới tới đây, có thấy đính một mảnh giấy kèm ở ngoài nói rằng:

Nếu tên này không mua, thì đòi cho giáp mặt mà hỏi.

Rồi tiếp mấy chữ nữa:

Tên này không mua, không lãnh, nên trả lại.

Phú-ngãi le, ... Mars 1932

Ký tên

Lạ thay! Trong hạt Nam-kỳ, Bản-chí chưa từng nhờ nhà Bưu-chính, hoặc ủy ai đi thu tiền cả. *Vậy mảnh giấy ấy ở đâu mà ra?* Xin hỏi thày Đội-trạm Phú-ngãi.

Mong rằng từ nay các vị Độc-giả, có thấy những việc như thế, xin cứ đưa ra trước pháp-luật, để trừ cho tiệt sự gian-trá. Nhân-tiện Bản-chí xin quý Độc-giả cũng rộng lượng tha thứ cho mấy lời vô-lễ của kẻ vô-danh khốn-nạn kia.

A.N.T.C.

Je ne regrette pas ta mort. Ta vie est là.
Comme la voix du vent qui berce les lilas
ne meurt point, mais revient après bien des années
dans les mêmes lilas qu'on avait cru fanés
tes chants, mon cher Samain, reviendront pour bercer
les enfants que déjà murissent nos pensées.

Sur ta tombe, pareil à quelque pâtre antique
dont pleure le troupeau sur la pauvre colline,
je chercherais en vain ce que je peux porter.
Le sel serait mangé par l'agneau des ravines
et le vin serait bu par ceux qui t'ont pillé

Je songe à toi. Le jour baisse comme ce jour
où je te vis dans mon vieux salon de campagne.
Je songe à toi. Je songe aux montagnes natales.
Je songe à Versailles où tu me promenas,
où nous disions des vers, tristes et pas à pas.
Je songe à ton ami et je songe à ta mère.
Je songe à ces moutons qui, au bord du lac bleu,
en attendant la mort bêlaient sur leurs clarines.
Je songe à toi. Je songe au vide pur des cieux.
Je songe à l'eau sans fin à la clarté des feux.
Je songe à la rosée qui brille sur les vignes.
Je songe à toi, je songe à moi, je songe à Dieu.

Cảnh hoa tàn tạ lại xanh tươi
Tiếng hát của anh cũng bất tử,
Đời đời an-ủi đàn, con trẻ.

Xưa đàn chiên khóc gã mục đồng
Trên đồi nước mắt chảy ròng ròng.
Nay em chẳng biết đem chi phúng,
Đem muối, đem rượu cũng vô dụng.
Muối thời no bụng đàn cừu non,
Rượu thời no miệng phường ác-côn!

Em tưởng tới anh. Bnổi chiều ấy,
Hình anh trong phòng, em còn thấy
Em tưởng tới anh. Tới quê hương.
Tới cảnh đôi ta giao phố phường.
Miệng đọc thơ phiếm, chân lười bước,
Em tưởng tới anh. Tới thân thuộc.
Em tưởng tới lúc trên bờ hồ,
Đàn cừu đợi chết khóc thành thơ.
Em tưởng tới anh. Tới thiên không,
Tới lửa sáng, quang nước không cùng,
Tưởng tới cành nho xương nhủ lê,
Tới anh, tới tôi, tới Thượng-đế.

Trần-khánh-Giư
dịch

Hội Phật-học

Huế. — Nước ta bấy lâu vẫn chịu kém người về tôn-giáo. Ngay như đạo Phật ở ta kể đã là thịnh lắm, mà như mắt ta trông thấy thì không những không ngày một mạnh lên, lại ngày một thêm những điều đáng tiếc sảy ra.

Mới đây, nhiều bực tri-thức đã chú-ý đến, mong chấn-hưng Phật-giáo, sách Phật-giáo lác-đác xuất-bản, tạp-chí Từ-Bi-Âm lẳng-lặng ra đời.

Lại có tin nay mai đây, các nhà thiện-tín có văn-học nơi đế-đô sẽ xin Chính-phủ lập một hội Phật-học, rồi ngày rằm và mồng một sẽ đến đạo-trường giảng kinh cho mọi người nghe. Nếu việc làm ấy có kết tốt, thì sẽ thi-hành ở khắp các tỉnh trong ngoài.

Thực là một việc đáng tán-thành vậy.

P. V,

GIỮ BÍ MẬT...

(Tiếp theo)

Mấy năm về trước thì đâu cũng có thư từ về luôn cho vợ; sau không hiểu vì sao, cô ta bỏ làng ra đi một dạo, đến hơn một năm ấy rồi lại thấy về. Bây giờ thì lấy em ông Chánh-tổng đấy; ăn ở với nhau đã được hai đứa con còn cậu con cụ Phán hình như người ta nói đi lính chết trận rồi thì phải.

Cô ta bây giờ thì phải biết... hách dịch lắm; đi đâu cũng bệ vệ như bà huyện vậy. Còn như bây giờ thày muốn hỏi thăm cô ta điều gì, thì cứ sang mà hỏi, có lẽ cô ta có nhà đấy.

Nghe đến đó, không khỏi bồi-hồi khách vội đứng dậy, chẳng muốn để vào tai thêm câu chuyện đau lòng, khách cúi đầu tạ ơn bà cụ đi ra; chiếc khăn tay đưa lên dìm hai giọt nước mắt chạy vùng quanh. Thế là tuyệt vọng...

***

Dưới ngọn đèn măng sông sáng quắc, trên cái sập gụ bóng loáng, một thiếu phụ, khuôn mặt trái xoan trắng chẻo, ngồi ôm con cho bú, bên cạnh một người đàn ông trạc ngoài ba mươi, đang cười đùa với đứa con nhớn.

— Loan-anh ơi!... Loan-anh em ơi!...

Em sung sướng lắm nhỉ? Bây giờ có lẽ em đã quên hẳn cái người chồng cũ của em, cái người chồng đã xa vắng em trong mấy năm trời...

Em ơi! chồng của em đây mà... Không phải là chiêm bao đâu... Anh không để em biết mà thêm khổ, khi nào anh chết sẽ hay....

Anh mừng cho em nương thân gửi thịt vào nơi quyền quý này; cái hạnh-phúc gia-đình em đầm ấm lắm! Khiến anh phải xa em, phải giấu em từ đây, chẳng nỡ nào làm ngang trở hay hủy phá cái tương-lai tốt đẹp của em. Thôi, em ở lại cùng chồng em nhá, anh không giận đâu. Anh đi đây.

Ngoài cửa sổ có bóng ai vụt qua thấp thoáng cái đầu người lấp ló. Cánh cửa từ từ mở ra, rồi lại thấy khép vào rất êm ái. Trong nhà không ai biết gì, chỉ nghe thấy tiếng người du con, và tiếng trẻ con cười

Trên đường đê, dưới bóng trăng xuông, cảnh vật thu hình trong giấc mộng. Khách bùi ngùi vơ-vẩn, chẳng muốn rời bỏ chốn phần-tử mà đi.

— Ôi! duyên cớ này bởi đâu xui nên, bởi đâu mà gia-đình ta tan nát? vợ chồng phân chia? Loan-Anh ơi! đôi ta phân rẽ từ đây, con đường tình cũ, trách ai người đã rấp trông gai... Khách quay nhìn cảnh cũ, âm-thầm gạt lệ ra đi.

Mây bay, gió cuốn, lá rụng cây rung, bóng chị hằng lẳng lơ khuất mặt; bốn bề đen tối, che khuất cả bóng người đang dảo bước xa xa...

Buổi chiều hôm sau, trời vừa sẩm tối, ngoài đường mưa rơi tóc tách, run dế khua sầu, cái cảnh đìu-hiu tĩnh-mịch, dễ khiến người súc cảnh thương tâm.

Khách lang-thang vơ-vẩn, trong ngõ hẻm một phố kia, rồi thấy đứng lại trước cái nhà một tầng cửa đóng kín mít: — Cách! cách!...

Khách đập cửa gọi:

Trong nhà có ánh sáng đèn, cái ánh sáng dầu lù mù vừa lọt khe cửa:

Kẹt!... Sầm!... Ai?

— Tôi...

Bước ra ngoài bực cửa, thiếu-phụ vén mớ tóc xõa ra sau vai, tiến thêm lên một bực nữa:

Kìa!... anh Linh!... anh Linh!... bà ơi! nhà con...

Thiếu-phụ mừng quá, quay vào gọi líu cả lưỡi, như bị nghẹn ngào trong cổ họng.

Rứt tiếng, một bà cụ già, tóc bạc lưng còng, sắc mặt tái nhợt, hớt hải trong nhà chạy ra nhìn khách... rồi ôm choàng lấy mà khóc:

— Ối! giời ơi! thằng Linh...con tôi, tao tưởng mày chết ở bên ấy rồi... Khốn nạn cho con tôi, sao mày về không đánh giấy cho mẹ biết? Phúc đức cho tôi biết là chừng nào, ông mày ơi! thằng Linh, con nó đã về đây này...

Trong nhà đi ra, một ông cụ già, hai mắt lòa tịt, chống cái gậy bước thất thểu, miệng tủm-tỉm cười:

— Thằng Linh đấy à? trời ơi! Linh đấy à con?... Bà nó đâu? Bế cháu Khải ra cho nó mừng bố nó...

Tiếng người xôn xao, giọng cười hớn hở, mừng lại khóc người còn sống xót.

Thằng bé, trên giường tụt xuống đất, tập-tễnh chạy ra:

— Ba!... ba đã về, nó còn ngợ... và bẽn lẽn không quen, vì nó chưa giáp mặt cha nó lần nào...

— Khải ơi! bố mày đấy!

— Linh con bế cháu một tý, kẻo nó tủi thân.

Bà cụ nâng vạt áo lau nước mắt.

Ông cụ run cầm cập, nỗi mừng nói chẳng ra hơi.

Mợ Khải xoa đầu con, mỉm cười, cố gượng giữ rọt nước mắt chạy vùng quanh...

Khách ôm vội lấy đứa bé khóc... khóc vì thương cái hoàn cảnh bạn ở lúc này... Cả nhà quây quần lấy khách hỏi:

— Con ơi! thày tưởng chết không gặp con...

— Sao con về mà chẳng đánh giấy trước cho tao mừng. Cha mày bị lòa ba năm nay rồi, chạy thuốc men mãi đấy. Hồi năm ngoái, ông ấy mệt nặng tưởng chết cơ mà, thôi thì ông ấy làm như điên vậy; nào là bà đánh giấy ngay cho nó về để tôi nhìn mặt nó. Khổ quá! tao là cứ chết hẳn người đi.

Cái nhà này thì đã cầm, cho người ta rồi; vợ mày chạy chọt vay mượn mãi mới thuê lại đám đất sau nhà để giồng rọt, lần hồi rau cháo, kể ra cũng đủ một ngày hai bữa, không đến nỗi đói khát khổ sở.

Còn thằng chó này thì ăn nói đủ điều đấy, bướng thành thần, giống bố như lột...

Bà cụ chỉ đứa bé nũng-nịu trên lòng khách, đang mở gói quà lấy bánh ăn.

Thương ôi! đối với cảnh gia-đình của bạn thì vui vẻ như vậy, trách nào chẳng phải động tâm, mà riêng nỗi sót sa của mình, vẫn không bộc-bạch cho ai người biết được.

Trái tim thổn-thức, tinh-thần rối loạn, khách thẫn-thờ cuống quít như điên như dại, khối óc quay cuồng, tình riêng lai láng khiến khách phải nhớ lại... Nhớ lại nhời bạn dặn trước khi mạnh-một chốn phương trời...

Chủ nhà nhận nhầm...

Khách đóng giả vai tuồng...

Mười hai giờ đêm.

Nhà trong ai nấy đều an giấc điệp; duy nhà ngoài, khách còn nằm dựa một mình trên cái ghế gỗ. Trước ngọn đèn dầu hung đỏ, con mắt là đà, vểnh tai như nghe tiếng đồng hồ tích-tắc đêm khuya.

Bong!... Bong!... Hai giờ...

Trong giường lục sục... Khách rật mình vội đứng dậy, đưa mắt nhìn ra phía cái màn.

Trong giường lại lục sục... Tiếng đứa bé khóc, mợ Khải dở mình, cái cửa màn vén ra một bên:

— Chết chửa! hai giờ đêm rồi... anh chưa đi nghỉ, còn đứng làm gì thế?

Mợ Khải bước vội xuống đất, vẻ mặt nghi hoặc ngờ ngợ..

Khách từ từ bước lại, đôi mắt long-lanh hàng lệ, nhìn mợ Khải như có điều gì u-uất, không nói được ra.

Ơ kìa! anh làm sao vậy? anh có điều gì uất-ức ư!

Khách quỳ xuống chân mợ Khải:

— Bác tha lỗi cho tôi... tôi không phải...

Mợ Khải run sợ... vội vàng đỡ khách dậy:

Trời ơi! anh điên ư? vợ chồng có điều gì mà anh lại làm ra như vậy?

— Không... bác nhầm rồi... Tôi là Phan-Linh, bạn thân của bác giai.

Kìa! anh nói gì thế?

— Bác ơi! tôi nói thực... tôi không phải là bác giai đâu...

Ối!... thật ư?

— Thật vậy...

— Khốn nạn chưa, thế nhà tôi đâu?

— Bác giai chết rồi còn đâu. thơ và ảnh bác giai còn gửi lại đây.

Khách cầm hai bức thư, đưa cho mợ Khải.

Mợ Khải biến hẳn sắc mặt, cầm vội lấy những ghi-tích còn lại, rồi đưa mắt chừng chừng nhìn khách, như đã nhận được ra rồi... bất giác òa lên khóc, sau một tiếng rú thất thanh, mợ Khải ngã vật xuống đất!..

Khách hoảng hốt, đỡ vội lên giường, thiếu-phụ nghẹn ngào rên rỉ:

Anh Linh ơi!... chồng tôi chết rồi... chết rồi thảm chưa, ông bà tôi biết tin này thì cũng khó lòng sống nổi trời đất ơi! thảm biết là chừng nào.

Mợ Khải vật mình, nức nở khóc.

Khách cảm-động quá, thấy tình cảnh ấy, chẳng tài nào giữ được nước mắt.

Thôi, tôi khuyên bác, đừng khóc nữa, nếu hai cụ nghe thấy tiếng thì lại rầy rà... Thôi mà... bác hãy nghe tôi; bây giờ có thương tiếc khóc lóc cho mấy đi nữa, cũng chẳng lấy lại được người; mà lại thêm mua sầu chuốc não, ốm đau vào mình. Lại nhất là còn hai cụ, tôi khó nghĩ quá, các cụ bây giờ đã già nua tuổi tác, vẫn chưa biết tin này, nếu bây-giờ lộ ra rằng bác giai đã chết rồi, thì hai cụ cũng đến ốm đau, thương nhớ con mà chết mất!

Đấy, như vậy bác nghĩ sao? tình nghĩa vợ chồng, ai chẳng phải sót, nhưng chẳng qua cũng là thiên-mệnh; trời đã định như vậy còn tránh sao khỏi, xin bác hãy nén tâm, đừng nghĩ ngợi thêm phiền. Bác thương sót bác giai từng nào thì tôi lại càng đau đớn trong lòng từng ấy; nhưng nay còn được chút cháu đây, bác cứ trông thấy cháu là hết cả. Còn như việc này... ngoài bác với tôi ra, chắc rằng không còn ai hiểu tới. Bác đừng nghĩ-ngợi, hoặc nghi ngại gì cả, bác giai mất cũng như còn, chỗ tình anh em chị em, từ nay bác cứ coi tôi như người ban vậy. Tôi rất vui lòng, theo lời bác giai dặn bảo, tôi sẽ trông coi gây dựng cho cháu, ngoài cái tấm lòng thành-thực của tôi đối với bác, tôi xin thề có trời đất chứng minh, không có điều chi là ám muội...

Mợ Khải gạt nước mắt, nắm lấy cánh tay Chu-Thanh nức nở:

— Em xin thâm phục vâng lời bác dạy bảo, cũng vì tình nhà em mà bác dủ lòng thương tới gia-đình em trong lúc này... Em lấy làm cảm-động vô cùng; nhưng em còn lo, thày đẻ em hiểu chuyện này, biết nhà em chết rồi thì ốm đau mà chết mất!

Mợ Khải nói đến đấy xụt xùi khóc rất thê-thảm.

Chu-Thanh đỡ dẫn cả người vội vàng kiếm lời an-ủi:

— Ấy, cũng chính vì lẽ đó mà tôi cũng rất khó nghĩ... chỉ vì còn hai cụ đấy nên tôi với bác đành cam sự bó buộc, mà «giữ bí mật» việc này. Đối với quỉ thần trời đất, dù có phải mang tội sau khi nhắm mắt, nhưng thần lương tâm không cắn dứt, thì mỗi người một phận sự, gan sắt lòng son, xin bác đừng nghi-ngại.

Lúc bác giai mất, còn chao lại cho tôi một món tiền hơn hai chục, tôi cũng để được ít nhiều; bác sẽ dùng món tiền đó mà buôn bán nuôi cháu. Thôi, bác đi nghỉ đi khuya rồi, đừng có khóc lóc nữa, tôi cũng chóng mặt lắm!

Chu-Thanh đứng dậy, khép cửa màn, ra bàn vặn ngọn đèn bé đi, rồi vào nhà trong, thấy có sẵn chiếu chăn ở trên bục, bèn ngả mình nằm nghỉ.

Sáng ngày hôm sau, lúc chàng giở dậy, thấy trong mình khó ở, đầu váng óc buốt, cũng tưởng rằng nóng sốt qua loa, ai ngờ bệnh tình trầm-trọng. Cả nhà đều hoảng sợ, tìm thầy chạy thuốc, hơn một tháng giời mới lành mạnh.

Trong thời kỳ đó, mợ Khải thức khuya dậy sớm, săn sóc thuốc men cơm cháo; Chu-Thanh thấy vậy động lòng thương mến người quả-phụ, nên chi cái tình lưu-luyến một ngày một sâu-xa; chẳng nỡ rời bỏ cánh hoa tàn nơi trước gió phải ủ-rũ chôn vùi trong đám âu-sầu.

Từ đó giở đi, chàng quý hóa mợ Khải lắm, coi mợ Khải như là em ruột. Cảnh gia-đình hòa-thuận yên vui, thông cỗi huyên già, dưới người vợ góa con côi; khiến chàng càng trông thấy cái hoàn-cảnh tốt đẹp đó bao nhiêu, thì khối lửa lòng như đã tắt khi xưa...

Ở yên chẳng lành...

Xưa kia mỗi khi hai chàng công-tử tranh nhau một mĩ-nhân thì hay sinh sự ghen tuông, có khi đến đánh nhau ngay trước cửa nhà người yêu.

Những tấn kịch như thế, thường xảy ra vào khoảng Trung-cổ thời-đại, hay Cận-kim thời-đại, chứ hiện giờ ít ai thấy.

Ấy thế mà mới đây ở một làng nước Xéc-bi (Serbie) có diễn ra một tấn-kịch chẳng khác gì những tấn-kịch ở các thời-đại đã qua.

Số là có hai công-tử kia cùng yêu một thiếu-nữ. Cô này đối với hai chàng cùng có cảm-tình. Song, có một điều khó nghĩ là cô không biết từ chối bên nào mà nhận lời với bên nào.

Bất-đắc-dĩ cô ta phải tuyên-bố rằng: trong hai người ấy, ai mà khỏe hơn thì cô ta lấy.

Hai chàng bèn hẹn nhau hôm nào đấu võ trước mặt cô ta, để qnyết sống mái. Mà cuộc đấu võ ấy phải diễn ở một nơi đường phố.

Đến ngày hẹn, hai người vừa mới bắt đầu khai-chiến, thì bạn hữu của đôi bên, đứng ngoài không yên, trước còn thách-thức, sau rồi kéo bè đả nhau kịch-liệt. Kết cục có tới 20 người bị thương.

Hai chàng kia là chủ-động và thủ-xướng ra cuộc ẩu-đả hiện vẫn bị tống giam để chờ ngày xét xử.

Rõ thật ở yên chẳng lành, đọc canh phải tội chửa?

Thương ơi! ngoài mặt mang tiếng vợ chồng, trong tình giữ đạo anh em, mặn mà nhạt, nồng mà cay, vì nghĩa quên tình, cái khổ-tâm ấy không biết cùng ai tỏ nỗi. Tình với nghĩa đôi đàng đều nặng chĩu, khách ngậm thảm làm vui, có riêng chi mợ Khải mới đeo sầu...

Cuộc đời thay đổi, cái đời của Cha-Thanh cùng mợ Khải đến đây là kết-quả, cái ái-tình chính-đại quang-minh, giá chong tuyết sạch của hai người đối với nhau, không chút hổ thẹn với quỷ-thần. Ôi! nếu đứng Thiên-công kia chẳng bầy ra cái cuộc bể dâu, thì đôi lứa đầu xanh đâu đã phải nỗi khóc cười vì duyên phận.

Trần-văn-Năng

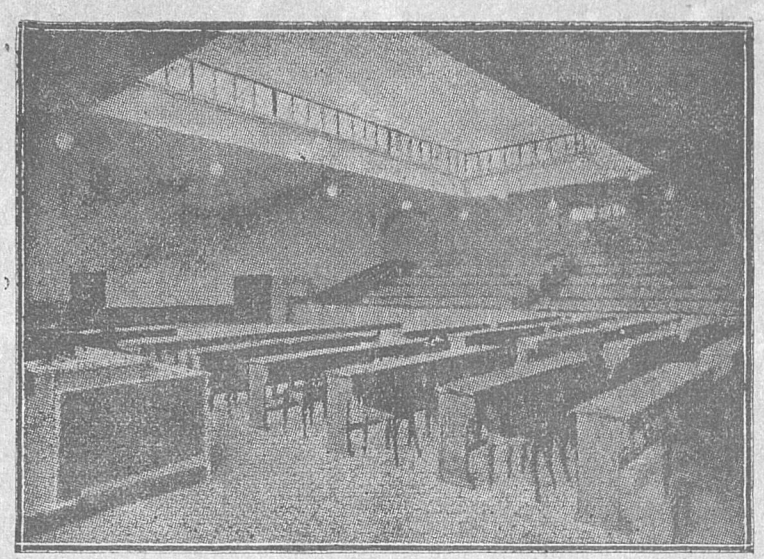

Phòng hội-nghị tài-binh (Cliché Annam Nouveau)

Nhà tư-bản Kreuger tự-tử làm náo-động cả trường tài-chính thế-giới

Ông Kreuger, một nhà tư-bản nước Thụy-điển, một tay nắm bao nhiêu kỹ-nghệ, một mình kiểm-đốc bao nhiêu nhà băng, mỏ sắt và mỏ vàng, trị giá tới hơn ba chục triệu. Khắp thế-giới, nước nhớn, nước nhỏ, thảy đều có quan-hệ với đoàn Kreuger.

Từ ngày kinh-tế khủng-hoảng, công việc tiến-hành của đoàn ấy ngày thêm khó-khăn. Các nước vay nợ đặt ra luật triển-hoãn trái khoản, ông không thu được tiền về, muốn vay của các nhà tư-bản Hoa-kỳ nhưng điều-đình không xong, mà các món nợ ở Thụy-điển đến hạn không sao chi-hoãn được nữa.

Hôm trước đây, để lại ba bức thư cho em gái, cho bạn thân, cho ông Phó-hội-trưởng, rồi ông lên giường mượn phát súng lục trốn thoát nợ đời.

Một tin làm náo-động cả nước Thụy-điển. Có lẽ ngân-thị phải đóng cửa nhiều ngày, từ hôm ông tử-trần ngân-thị Stockholm lấy làm lo sợ lắm.

Vụ tự-sát ấy có ảnh-hưởng lớn với hai mươi nước ở hoàn-cầu, mà đáng lo nhất là nước Đức đã mắc nợ của ông tới ba nghìn triệu.

Có thế mới chừa...

Ít lâu nay bà con trong một thành phố nhỏ xứ Ca-rô-linh (Caroline), đã được chứng kiến một cuộc biện-luận rất ồn-ào, ồn-ào một cách xưa nay chưa từng có. Đứng ra biện-luận là một bọn thầy tu. Mục đích cuộc biện-luận cốt giải-thích một bài trong kinh Thánh.

Nếu đôi bên cứ ở nhà cãi vã nhau bằng những lời chua cay thì các quan sở-tại cũng không ngó tới và can-thiệp làm gì.

Khốn nỗi, cãi nhau bằng mồm chưa đủ sướng, hai bên lại đem nhau ra đường đối-đáp nhau bằng quả thụi. Sở cảnh-sát được tin liền đến núm tai các cha điệu cả về bóp.

Việc ra đến Tòa, quan Tòa liền hạ lệnh bắt 8 cha trong bọn thầy tu hiếu-sự kia học thuộc lòng một chương kinh Thánh, nếu không thuộc sẽ tống-ngục.

Thiên kinh Thánh ấy mở đầu: *«Anh em ăn ở với nhau cho hòa-thuận thì còn gì dễ chịu bằng!»*.

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi

Nguyễn khắc-Hiếu

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

9

Trà-sơn
dịch

Nhưng thôi... Tôi tưởng nên thuật nốt cái lịch-sử tôi để tôn-ông nghe. Voi vét các ngăn rút, cha tôi thu xếp còn được có ba vạn đồng bạc, rồi lại quyết chí đi phiêu-lưu một lần nữa. Tôi đã thưa với tôn-ông rằng cha tôi rất ưa cái đời đi biển, nên tôi muốn tin rằng có lẽ lúc bấy giờ trong bụng cha tôi lại mừng thầm là đã xảy ra những cuộc đại biến ấy, để cho ông lại được gửi thân cho cái biển là một người bạn chí thân. Về phần tôi, tôi cũng ngỏ cho cha tôi biết rằng tôi cũng nhất định đi theo, vì thế suốt ngày ông cặm-cụi với mấy bức địa-đồ.

«Thoạt tiên cha, tôi làm lính thủy ở các biển miền Nam, nên bấy giờ ông quyết chí lại đi đến các nơi đó, tìm hạt trai và sà-cừ; làm nghề này ông yên-trí thế nào chắc cũng khôi phục lại cái của cải cũ. Cha tôi lại còn chú-ý cả đến cái nghề trồng dừa nữa.

«Nói tóm lại, cha tôi đem chiếc tầu đi chơi đổi lấy chiếc tầu đò Mi-ê-lê, rồi chúng tôi khởi-hành.

«Cha tôi nhận lấy chức quan ba tầu, và trong khi đi dọc đường, ông cố dạy cho tôi cái nghề hàng-hải. Người quan hai tầu của chúng tôi là một người Đan-mạch tên là Ê-ri-sơn. Còn những người làm thì một phần là người Hải-oai, một phần là người Nhật-bản.

«Chúng tôi rong buồm về các đảo thuộc về châu Úc, bên cạnh đường Xích-đạo, nhưng nay đã tang thương biến đổi; cha tôi nhìn trông cảnh vật đều thấy khác hẳn với cảnh-tượng xinh đẹp ngày xưa. Những đảo kia, các Liệt-cường đều chiếm mất, rồi chỗ nào cũng có các đại công-ty lập những đồn-điền, và chiếm độc-quyền những địa lợi, ngư lợi, thương lợi, và hết thảy các mối lợi khác. Thành thế chúng tôi lại phải bỏ đi.

«Từ đó chúng tôi lại lần lên phía quần-đảo Mạc-qui-da là lĩnh-thổ của nước Pháp, chỗ này phong cảnh rất đẹp, nhưng giống người bản xứ đã tiêu-diệt mất quá nửa rồi. Khi được tin có người chiếm lấy quyền chế-tạo ra dầu dừa, thì cha tôi tức không thở được nữa.

Nhưng tức vậy mặc lòng, ông ưa xứ này lắm. Ở đảo Nu-ca Ri-va (là nơi thủ-phủ quần-đảo này), có một cái thung-lũng rộng chừng một vạn rưỡi sào đất, mà ngay lối ra biển lại có một chỗ đỗ tầu rất tiện, nên ông mới thấy đã mê ngay.

«Ông tậu cái thung-lũng đó giá một nghìn hai trăm bạc, thật rẻ như bèo. Nhưng, thuế má thì nặng lắm; đất cát ở đảo này giá rẻ, rẻ đến nỗi không có ai mua là vì thế. Lại còn một điều tệ hơn nữa là không có nhân-công. Giống người bản xứ còn sót lại, thì họ không muốn làm việc, còn...

«Chỉ trong sáu tháng giời, đã đủ làm cho cha tôi nản chí ngã lòng. Còn hy-vọng gì ở cuộc tương lai!

«Thôi ta đành phải qua Sa-lô-mông quần-đảo vậy. Cha tôi bảo tôi như thế. Ở đấy ta thử làm ăn với chính-phủ Anh xem sao. Nếu lại cũng một duộc thì ta sẽ sang quần-đảo Tỷ-sĩ-mạch (1) thử giao-thiệp với các ông người Đức. Còn như quần-đảo Thủy sư Đô-đốc, ta chắc là còn bỏ hoang chưa có người nào khai-khẩn.

«Thế là chúng tôi lại mướn một bọn người làm tầu khác, rồi lại khởi hành. Ở dọc đường, khi qua Ta-hải-ty, chúng tôi đỗ lại để chữa chạy một vài chỗ cần kíp ở tầu Mi-ê-lê. Giữa lúc đó không may cha tôi lâm bệnh rồi mất.»

— Thế là từ đấy cô-nương chỉ còn có một thân một mình?

— Vâng... Than ôi! thật quả là chỉ có một thân một mình, anh em chả có, chị em thời không. Cha tôi nguyên quán ở Cang-sa thuộc miền Bắc châu Mỹ. Khi cha tôi còn thơ-ấu, cả nhà bị chết đuối trong một cơn bão lụt, chỉ có ông là sống sót, điều đó tôi cũng vẫn biết.

«Đã đành rằng tôi có thể quay về đảo Hải-oai nương-náu Vương-công, điều đó tôi chắc rằng ông ta rất hoan-nghênh; nhưng, tôi còn muốn tự trọng, có đâu chịu thế; tôi bèn quyết chí noi theo cái kế-hoạch lớn lao của cha tôi. Như vậy thiết-tưởng còn hơn. Thôi, chả qua cũng là ma đưa quỉ dắt tôi vào cái kiếp phiêu-lưu, muốn gỡ ra cũng không được. Thế rồi... tôi ngồi đây!»

— Cái lịch-sử của cô-nương như thế là hết à?

— Ấy chết! tôi còn quên mất câu này... là tôn-ông nên nghe lời tôi dặn, xin tôn-ông chớ có đến xứ Ta-hải-ty. Xứ này là một xứ khả ái. Người dân bản-xứ cũng khả ái lắm. Những người đến sinh-cơ lập nghiệp ở đấy, thì than ôi! quân phi-lu, quân trộm cướp, quân điêu trá, đó, những danh-hiệu đáng tặng cho họ. Còn những người lương-thiện, muốn kể ra, không cần phải dùng đến cả các ngón trên hai bàn tay.

«Tôi là đàn bà con gái, nên họ càng dễ thi-hành thủ-đoạn lắm. Họ dùng hết cách để rút của của tôi, ăn cắp của tôi. Họ thích nói dối, không duyên cớ gì họ cũng nói dối. Ngay

(1) Quần-đảo Tỷ-sĩ-mạch trước hồi Âu-chiến là thuộc-địa của người Đức, ngày nay quần-đảo này cùng quần-đảo Thủy-sư Đô-đốc đều giao cho châu Úc coi nom.

như ông hai tầu tôi là Ê-ri-sơn, vốn xưa nay là người chân-thật mà cũng bị họ cám dỗ.

Hắn thông-đồng với bọn vô-lại kia, giúp chúng để làm hại tôi. Trong các đơn mua hàng hắn đưa trình tôi, hắn đều có ăn theo cả. Nếu đứa nào ăn cắp của tôi được 10 quan thì hắn cũng có 3 quan tiền hoa-hồng. Nếu tôi trả đi 1500 quan, tức là hắn có 500 quan bỏ túi. Mãi sau tôi mới khám phá ra được.

«Ở trên bờ, tên Ê-ri-sơn trú tại một ngôi nhà rất lịch-sự. Cái nhà ấy, do tên thầu-khoán của tôi biếu không cho hắn ở. Trong nhà hắn, thôi thì rau cỏ, cá thịt, nước đá, không thiếu thứ gì, mà hắn không phải xuất ra một xu nhỏ. Đó là cái thương-pháp màu nhiệm mà bọn lái buôn ở Ta-hải-ty thường dùng để cám dỗ lòng người.

Ấy thế mà cái thằng làm bộ ấy, mỗi khi hắn đến trước mặt tôi, thì lại nước mắt vòng quanh, phàn-nàn cho cái cảnh túng bấn của tôi! Bởi thế, từ nay tôi không nói câu: «Tôi sa vào tay quân trộm cướp» nữa; tôi chỉ nói: «Tôi sang Ta-hải-ty» cho giản-tiện hơn.

«Sau có một hôm bọn vô-lương kia lại ăn cắp lẫn của nhau, rồi chúng tự tố-giác nhau ra, có đủ số-mục làm bằng-chứng, nên tôi mới biết rõ cả sự thực. Tôi cũng biết rằng nếu tôi cầu cứu đến pháp-luật, thì tôi còn được bao nhiêu tiền, sẽ đi đứt nốt. Bọn quan tòa ở đấy cũng chẳng hay hớm gì. Tôi bèn nghĩ ra cách này. Một hôm đang nửa đêm tôi ập đến nhà tên Ê-ri-sơn; tôi thấy nó đương nằm ở trên giường; tay tôi cầm khẩu súng lục này.

« Tôi cấm nó không được nhúc-nhích rồi tôi tính các món tiền tôi mất ở trước mặt nó. Kết cục, tôi lấy lại được mấy nghìn quan về. Nó cũng không đi trình sở cảnh-sát, mà tự đấy nó mất mặt không dám xuống tầu nữa.

«Còn những đứa khác thì chúng chẳng coi tôi vào đâu, nên nhất định không trả lại tôi một đồng xu nào. Ở trên bộ, tôi có quen hai người Hoa-kỳ thì họ khuyên tôi nên lờ đi là hơn. Vì bới chuyện ra, thì có lẽ cả tầu Mi-ê-lê, cả một ít tiền tôi còn giữ lại được, sẽ bị hút cả vào cái hố kiện cáo rồi.

« Tôi mướn một người Đức ở Tân-đảo thay chân tên Ê-ri-sơn. Người này tuy chỉ có một cái bằng cập-ràng, nhưng tôi cũng ghi vào sổ cho làm quan ba tầu.

«Thật ra, thì tôi lại thạo nghề hơn, và chính tôi cầm lái tầu, tầu tôi nay đã bị đắm rồi, nhưng tôi không lấy cái đó làm xấu-hổ. Vì chính giời biển mới là có lỗi.

«Chúng tôi vừa bước vào đến địa-phận ngài, thì chiếc tầu bị trôi rạt theo luồng nước mạnh, lênh đênh trong bốn hôm giời. Rồi tiếp luôn đến trận bão Tây Bắc, chỉ rình vật chúng tôi vào bờ bể.

«Chúng tôi hết sức phấn-đấu nhưng vô-hiệu. Các buồm nhỏ trên tầu lần lần bị gió cuốn đi mất. Hai cái cột buồm của chúng tôi, do bọn vô-lại ở Ta-hải-ty sửa-sang lại, cũng bị gẫy tan tành. Chúng tôi định theo chiều gió, vào ẩn trong eo bể giữa khoảng Phố-lô-ri-đa và Y-da-ben, giá được thế thì cũng có lẽ chúng tôi thoát nạn, không ngờ lúc gần tới, đi đến một chỗ kia, rõ trong địa-đồ biên là sâu đến 14 sải là ít, mà ngờ đâu, đánh sình một cái, chôn tầu va ngay vào một mỏm đá.

«Vừa va vào một cái, thì chiếc tầu lại bắn ra ngay. Nhưng thế cũng đủ rồi, chiếc tầu chìm ngay lập tức. Các tay thủy thủ người Ta-hải-ty và tôi chỉ còn vừa đủ thì-giờ chèo lên chiếc xuồng, lật đật thả xuống biển. Duy có người Đức kia bị chết đuối.

«Chúng tôi bơi loanh quanh suốt cả đêm, mãi đến sáng, chúng tôi mới trông thấy cái cột cờ ở trước nhà tôn-ông, rồi mới vào bờ, thưa thế là hết.»

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Bây giờ chắc cô-nương lại định trở về đảo Hải-oai để tìm Vương-công có phải không?

— Tuyệt nhiên không. Tôi tính độc-lực theo đuổi những cái kế-hoạch thực-dân của cha tôi. Bởi vì tôi đã tới quần-đảo Sa-lô-mông, thì tôi ở lại đây. Rồi tôi sẽ kiếm một khu đất tiện-lợi, lập thành một cái đồn điền nhỏ riêng của tôi. Tôn-ông có biết ở đâu còn đất không? Nếu được giá rẻ càng hay.

Chàng Xen-đôn ngạc nhiên la lên rằng:

— Ở đất Mỹ-châu thật lắm người kỳ-dị, mà chân-chính kỳ-dị...

Cái việc của cô-nương tính làm đó cũng táo bạo thay!

— Ấy chính nó có táo-bạo như thế tôi mới thích.

— Nhưng cô-nương có biết rằng: Nếu cô-nương không phiêu rạt vào Ga-đa-ca-na là nơi chúng ta ở đây, tức là Bế - rang - đệ, mà lại sa ngay vào Mã-lai-tạ, thì cô-nương cũng là những tay thủy-thủ quý hóa người Ta-hải-ty của cô-nương sẽ bị *cai-cai* nghĩa là bị ăn thịt rồi không?

(Còn nữa)

Phòng chữa mắt

Từ-ngọc-Liên

Mới mở

10, phố hàng Đường — Hanoi

chuyên-môn chữa mắt

và bán thuốc đau mắt

Từ-ngọc-Liên rất

hay giá 0$10

và 0$06.

Hiện đã được nhà Nước

cấp bằng thưởng

Diplôme d'honneur

Kính trọng lương-tâm con nhà nghề

Người biết làm nghề gì đều phải kính-trọng nghề ấy, lúc nào lương tâm cũng bó buộc phải làm cho tròn bổn-phận, cho khỏi phụ với lời ủy-thác của người ta.

Một nghề đáng chú ý nhất là nghề dạy học.

Nhận cái chức-trách ông giáo, tức là phải chịu lời hứa, lòng tin của bao nhiêu phụ-huynh học-trò, phải mang một bổn-phận rất lớn là rèn đúc bao nhiêu khối óc non mới đặt ra đời còn bỡ-ngỡ. Khó khăn lắm! Thận trọng lắm! Giậy làm sao cho học-trò giỏi? Giậy làm sao cho học-trò hay? Mỗi cậu học-trò nhỏ kia là một phần-tử trong quốc-dân sẽ gánh vác công việc nước nhà sau này vậy.

Một người rất kính-trọng lời hứa, rất kính-trọng lương-tâm nhà nghề, hy-sinh vì sự giáo-dục trẻ em, tôi xin giới-thiệu ông đốc trường Song-Thanh: ông Hoàng-sĩ-Xuyến.

Một khu trường nguy-nga ở góc phố Hòa-mã và phố Jacquin, thường thấy hàng trăm rưởi trẻ em hớn-hở tấp-nập cắp sách đến học, ta nên để ý ông Xuyến mời những giáo-sư bực nào: Lớp nhất và lớp nhì, hai ông giáo ngang sức tú-tài tây; lớp ba (tức sơ-đẳng) một ông giáo theo gần hết hạn Cao-đẳng tiểu-học, còn lớp cuối, các em còn nhỏ, giao cho một bà giáo nhu-mì ôn-hòa săn-sóc trông coi. Ông Xuyến còn mời được một nhà văn-sĩ đã có tiếng, kiêm họa-sĩ, thường ngày thứ năm thứ bảy, đến dạy các lớp trên về khoa Quốc-văn, Hán-văn và vẽ «perspective» nữa.

Vậy ông bà nào có trẻ em đi học tưởng chẳng nên quên:

Trường Song-Thanh

ở góc đường Hòa-Mã và Jacquin bên cạnh nhà rượu sau nghĩa-địa Saïgon

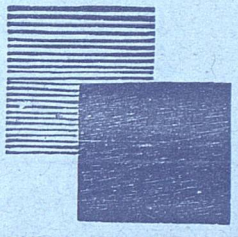

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình. Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lâu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi:

M. BÙI-NGỌC-BÌNH

Hiệu Bảo-Nguyên-Tường

N° 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

DƯ-MỸ

Chủ nhân: NGUYỄN-VĂN-HOÀN

CỰU CHỦ NHÂN CÁC NHÀ: TẾ-MỸ, PHÚC-TƯỜNG, AN-LINH

Sở chính: 10, phố hàng Quạt

Sở phụ: 69, phố hàng Giầu

Quản-lý: NGUYỄN-TUẤN-GỴ

CHO THUÊ XE, ĐÒN ĐÁM MA

BÁN VÒNG HOA CƯỜM

GIÁ RẺ HƠN CÁC HIỆU ĐƯỢC PHẦN NỬA

LẤY VIỆC CHUYÊN MÔN VÀ SỰ CẦN KIỆM ĐỂ GIÚP CÁC TANG GIA

Khai báo, xin phép và bảo ban không lấy tiền.

舉美號 殯車馬 出賃局 賣花圈 價大賤 開報事 不取費錢

河內 正所行扇街十號 附所 油街六十九號

Tản-Đà thư-cục đại tiến-hành quảng-cáo

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi, thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.— Thơ-ca.— Trước-tác.— Dịch-thuật.— Tiểu-thuyết.— Hài-hý* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Hiện đưa tại nhà in :

1.— **Tản-đà văn-tập quyển nhất**. (Luận-thuyết-loại. — Tức các văn ở hai quyển *Khối-tình bản chính và bản phụ* khi xưa, hợp in làm một. Có « lời tựa chung các sách của Tản-đà thư-cục » in ở đầu.

2.— **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại.— Chuyện này hợp với *Kiếp phong-trần* cùng in làm một quyển, mà lấy theo ba chữ đây làm tên.)

Các giá bán lẻ và bán buôn như sao, sẽ có tiếp-tục tường-cáo.

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng-xuất và tán-thành
các công việc bổn phận
của Nữ-giới.

Chủ-nhiệm : **Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA**

Báo-Quán : 11-13, Phố sông Tô-Lịch — Hanoi

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi